

Số: 1042/ CV-ĐT&DA

TP.HCM, ngày 07 tháng 11 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (viết tắt: TANIMEX).
 - Mã chứng khoán: TIX
 - Địa chỉ trụ sở chính: 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP.HCM
 - Điện thoại liên hệ: (84-028)3868.6378 Fax: (84-8)38642060
 - Email: tanimex@tanimex.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
Quyết định số 02/2023/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2022 về việc sửa đổi quy chế công bố thông tin công ty Tanimex.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/11/2022 tại đường dẫn: <https://www.tanimex.com.vn/> ⇒ Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Quyết định số 02/2023/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2022

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, ĐT&DA-AN-03

Tân

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUANG TRƯỜNG



Số 02/2023/QĐ-HĐQT

Tân Bình, ngày 01 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc sửa đổi quy chế công bố thông tin công ty Tanimex

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SXKD XNK DV VÀ ĐT TÂN BÌNH

- Căn cứ giấy CNĐKKD số 0301464904 do Sở KH&ĐT cấp lần đầu ngày 18/7/2006, điều chỉnh lần 17 ngày 25/01/2019;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con;
- Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 8 năm 2016 Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình.
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình.
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 01/2023/BB-HĐQT ngày 28/10/2022 về việc họp định kỳ quý 1 NĐTTC 2023

QUYẾT ĐỊNH

๕๐๓๒

ĐIỀU I : Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (Tanimex), cụ thể:

- Điều chỉnh lần thứ 5, bao gồm 3 chương, 17 điều và các phụ lục đính kèm
- Quy chế có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2022

ĐIỀU II : Thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Ban Tổng Giám đốc, Phòng QTNS-HC, Phòng TC-KT, Phòng ĐT&DA, Ban QLHT KCNTB, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT (b/c)
- Như điều II
- Các Phòng/Ban
- Lưu VT-HD-06

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT *lưu*



NGUYỄN MINH TÂM



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT
NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
(TANIMEX)**

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Sửa đổi lần thứ 5
Hiệu lực từ ngày 01/11/2022**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN
SXKD XNK DV VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
(TANIMEX)

๑๑๑๑๑

Số 02/2023/QĐ-HĐQT

Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

Tân Bình, ngày 01 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc sửa đổi quy chế công bố thông tin công ty Tanimex

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP SXKD XNK DV VÀ ĐT TÂN BÌNH

- Căn cứ giấy CNĐKKD số 0301464904 do Sở KH&ĐT cấp lần đầu ngày 18/7/2006, điều chỉnh lần 17 ngày 25/01/2019;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019,
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con;
- Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 8 năm 2016 Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình.
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình.
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 01/2023/BB-HĐQT ngày 28/10/2022 về việc họp định kỳ quý 1 NĐTC 2023



QUYẾT ĐỊNH

๙๓๐๒

ĐIỀU I : Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (Tanimex), cụ thể:

- Điều chỉnh lần thứ 5, bao gồm 3 chương, 17 điều và các phụ lục đính kèm
- Quy chế có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2022

ĐIỀU II : Thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Ban Tổng Giám đốc, Phòng QTNS-HC, Phòng TC-KT, Phòng ĐT&DA, Ban QLHT KCNTB, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT (b/c)
- Như điều II
- Các Phòng/Ban
- Lưu VT-HD-06

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT *Nguyễn Minh Tâm*



NGUYỄN MINH TÂM

46492
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ
TÂN BÌNH
P. HỒ C

14-C.T.C.P
14
TU
14/09/2022

MỤC LỤC

Chương 1. Quy định chung	trang 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2. Đối tượng áp dụng.	3
Điều 3. Từ viết tắt.....	3
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	5
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin của công ty.....	6
Điều 7. Tài liệu công bố thông tin.....	6
Điều 8. Phương tiện công bố thông tin.....	7
Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin.....	9
Điều 10. Bảo quản, lưu giữ thông tin.....	9
Chương 2. Quy trình và trách nhiệm công bố thông tin	
Điều 11. Trình tự công bố thông tin	10
Điều 12. Quy trình công bố thông tin.....	11
Điều 13. Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	13
Chương 3. Tổ chức thực hiện	
Điều 14. Triển khai thực hiện	14
Điều 15. Sửa đổi, bổ sung quy chế.....	14
Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	14
Điều 17. Hiệu lực thi hành.....	14

DANH MỤC PHỤ LỤC BAN HÀNH KÈM THEO QUY CHẾ CBTT

PHỤ LỤC	NỘI DUNG	Đính kèm link
Phụ lục 1	Chế độ báo cáo và công bố thông tin	Phụ lục 1- Chế độ báo cáo và CBTT
Phụ lục 2	Quy trình thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Phụ lục 2- Quy trình thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
Phụ lục 3	Quy trình công bố thông tin	Phụ lục 3-Quy trình công bố thông tin



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2023/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2022
của Hội đồng quản trị Công ty CP SXKD XNK DV & ĐT Tân Bình)

Căn cứ pháp lý:

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán);
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp);
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
7. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
8. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
9. Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về ban hành Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
10. Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con;
11. Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 8 năm 2016 Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
12. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (Điều lệ công ty);
13. Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (Quy chế quản trị công ty);
14. Các văn bản luật khác có liên quan.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc thực hiện báo cáo và công bố thông tin của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình và các đối tượng có liên quan theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Công ty Cổ phần Sản Xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình;
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật, bao gồm:
 - a. Người nội bộ của công ty;
 - b. Người có liên quan của người nội bộ;
 - c. Người có liên quan của công ty;
 - d. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty;
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 3: Từ viết tắt

1. UBCKNN/ SSC : Ủy ban chứng khoán Nhà nước
2. SGDC/ HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
3. TTLKCK/ VSD : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
4. IDS : Hệ thống công bố thông tin của SSC
5. ECM : Hệ thống quản lý dữ liệu điện tử tại SGDHCM
6. Tanimex : Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình
7. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
8. HĐQT : Hội đồng quản trị
9. UBKT : Ủy ban kiểm toán
10. CBTT : Công bố thông tin
11. TTCK : Thị trường chứng khoán
12. BCTC : Báo cáo tài chính

Điều 4: Giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ đã được giải thích theo quy định tại Thông tư 96/TT-BTC và các văn bản có liên quan.

1. Người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp, bao gồm:
 - a. Chủ tịch HĐQT và Thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
 - c. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và thành viên Ủy ban Kiểm toán;
 - d. Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc;
 - e. Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng;



- f. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền CBTT;
- g. Các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm.
2. Người có liên quan: là các cá nhân, tổ chức có quan hệ trong các trường hợp sau đây:
- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê tóm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty.
3. Bản sao là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính.
4. Địa chỉ liên lạc là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp.
6. Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
7. Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
8. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin.
9. Ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK, Công ty Tanimex nhận được văn bản báo cáo theo dấu công văn đến UBCKNN, SGDCK, Công ty Tanimex tùy theo thời điểm nào đến trước.
10. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
- Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
 - Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - e. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.
11. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
- a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - f. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua SGDCK.

Điều 5: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin công bố, chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố.
3. Công ty Tanimex thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của công ty đồng thời gửi thông tin công bố đến SGDCK và UBCKNN. Thông tin công bố trên website nêu rõ thời điểm (ngày, giờ). Trường hợp nghĩa vụ CBTT của Công ty phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thì Công ty thực hiện CBTT trên website của công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ và phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
4. Đối tượng CBTT tại khoản 2, 3 Điều 2 Quy chế này khi thực hiện CBTT phải đồng thời gửi thông tin công bố đến Công ty Tanimex, UBCKNN và SGDCK. Riêng cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng báo cáo thêm TTLKCKVN. Trường hợp nghĩa vụ CBTT của các đối tượng này phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thì thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
5. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. SGDCK khuyến khích các đối tượng thực hiện thêm CBTT bằng tiếng Anh.
6. Công ty đăng ký thông tin liên hệ sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại trong thời gian 24 giờ trước khi sự thay đổi thông tin liên hệ có hiệu lực theo mẫu CBTT/SGDHCM-01 kèm theo Quyết định 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016.
7. Công ty thực hiện CBTT định kỳ/ bất thường/ theo yêu cầu/ các hoạt động khác theo mẫu công bố thông tin ban hành kèm theo quy chế này BM-CBTT-ĐTDA và gửi kèm công văn thông tin công bố.

492
 4
 +00
 KH
 N
 10C

8. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng CBTT nêu rõ thông tin thay đổi và lý do thay đổi theo mẫu BM-CBTT-ĐTDA và gửi kèm công văn thông tin đính chính.
9. Việc CBTT thực hiện theo đúng mẫu vào bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021, Quyết định 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu nhầm cho cổ đông và công chúng đầu tư. Trường hợp thông tin công bố gửi đến UBCKNN, SGDCK, Công ty Tanimex sai mẫu, thông tin thiếu chính xác, không rõ ràng,... UBCKNN, SGDCK, Công ty Tanimex sẽ từ chối tiếp nhận thông tin công bố và không công bố trên website của UBCKNN, SGDCK, Công ty Tanimex.
10. Các đối tượng CBTT là tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT của tổ chức đó; các đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT. Tổ chức, cá nhân được ủy quyền CBTT từ các nhà đầu tư cá nhân, thực hiện gửi Giấy ủy quyền/Hợp đồng ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật đến UBCKNN, SGDCK, Công ty Tanimex trong lần CBTT đầu tiên và thông báo chấm dứt việc ủy quyền trong lần CBTT cuối cùng.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện CBTT của công ty Tanimex là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc) hoặc là người được ủy quyền CBTT của công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên Ban Điều hành được ủy quyền điều hành thời điểm đó có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.
3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN, SGDHCM trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.

Điều 7. Tài liệu công bố thông tin

1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:
 - a. Văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.
 - b. Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ:
 - Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;
 - Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.
2. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử:
 - a. Văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);
 - b. Dữ liệu điện tử được gửi đến SGDCK thông qua địa chỉ email đã đăng ký hoặc phương tiện khác do SGDCK quy định.
 - c. Thông tin công bố là bản scan văn bản đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này có định dạng PDF.
 - d. Dữ liệu phục vụ thống kê, giám sát là dữ liệu điện tử định dạng word/excel sử dụng bảng mã Unicode.

- e. Dung lượng tối đa của dữ liệu điện tử là 15MB, trường hợp dung lượng của dữ liệu điện tử lớn hơn mức tối đa, đối tượng công bố thông tin cung cấp đường dẫn đến địa chỉ trang thông tin điện tử có đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố
- Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để thực hiện công khai thông tin.
 - Các đối tượng CBTT sẽ chuyển văn bản hợp lệ đến SGDCK qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. Trường hợp đối tượng CBTT gửi thông tin qua fax/email/hệ thống thông tin điện tử của SGDCK, đối tượng CBTT đồng thời gửi văn bản hợp lệ đến SGDCK.
 - Trường hợp không thể gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điện tử vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số, tạm ngưng hoạt động theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền..., các đối tượng CBTT có trách nhiệm gửi thông tin công bố bằng văn bản đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại SGDCK đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua thư điện tử đúng thời hạn quy định và thông báo ngay cho SGDCK biết lý do không thể thực hiện gửi thông tin công bố qua hệ thống CBTT điện tử để SGDCK hướng dẫn hoặc khắc phục sự cố (nếu cần).
 - Trường hợp có thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử xảy ra sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin công bố đến nhà đầu tư, đối tượng CBTT thông báo bằng văn bản gửi đến SGDCK nêu rõ thời gian thay đổi và địa chỉ của trang thông tin điện tử mới, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin trong thời gian sớm nhất cho SGDCK.

Điều 8. Phương tiện công bố thông tin

- Các đối tượng CBTT gửi thông tin báo cáo CBTT qua fax/ email/ hệ thống thông tin điện tử, đồng thời gửi văn bản hợp lệ đến UBCKNN, SGDCK, Công ty Tanimex.
- Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - Công ty Tanimex:
 - Trang thông tin điện tử (website) của công ty: www.tanimex.com.vn
 - Địa chỉ nhận công văn báo cáo CBTT qua đường bưu điện:
Công ty Tanimex - Số 325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TPHCM - Điện thoại: 028.3868.6377
 - Số fax nhận báo cáo CBTT: 028.3864.2060
 - Email nhận báo cáo CBTT: nguyet.vo@tanimex.com.vn / vy.tran@tanimex.com.vn
 - UBCKNN:
 - Trang thông tin điện tử của UBCKNN: <https://ssc.gov.vn>
 - Địa chỉ nhận công văn báo cáo CBTT qua đường bưu điện:
Vụ Giám sát công ty đại chúng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Số 234 Lương Thế Vinh, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội - Điện thoại: 024.3934.0750
 - Số fax nhận báo cáo CBTT: 024.3934.0739
 - Email nhận báo cáo CBTT của nhà đầu tư liên quan đến công ty Tanimex: cbtt@ssc.gov.vn

- IDS là hệ thống CBTT của UBCKNN tại địa chỉ <https://ids.ssc.gov.vn>
- + Công ty Tanimex sử dụng tài khoản do UBCKNN cấp và chữ ký số công cộng có giá trị pháp lý tương đương con dấu của công ty để thực hiện báo cáo và CBTT điện tử trên hệ thống IDS.
- + Ngay sau khi đăng nhập hệ thống IDS, Công ty Tanimex phải cập nhật các thông tin về Hồ sơ công ty trên hệ thống; khi có thay đổi về các thông tin nêu trên, công ty phải cập nhật và chịu trách nhiệm về các thay đổi này.
- + Công ty thực hiện gửi hồ sơ, báo cáo và CBTT qua IDS, không phải gửi tài liệu bản giấy để báo cáo UBCKNN.
- + Hỗ trợ IDS: Cục công nghệ thông tin - UBCKNN: 024.3934.0750/ 024.3934.0177/ 024.3926.2545; Email: hotroids@ssc.gov.vn.

c. SGDCK:

- Trang thông tin điện tử của SGDHCM: <https://ww.hsx.vn>
- Địa chỉ nhận công văn báo cáo CBTT qua đường bưu điện:
Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM - Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM - Điện thoại: 028.3821.7713
- Dữ liệu điện tử được gửi đến SGDCK thông qua địa chỉ email đã đăng ký.
- ECM là hệ thống quản lý tài liệu điện tử của SGDCK tại địa chỉ <https://ecm.hsx.vn/hoseecm>
- + Thời gian sử dụng hệ thống ECM từ khi được cấp tên đăng nhập và mật khẩu đến khi có thông báo mới từ SGDCK. Sử dụng ECM theo đúng mục đích, đúng quy định của SGDCK; đảm bảo thực hiện đúng quy trình và tiến độ để không làm gián đoạn quá trình xử lý và luân chuyển thông tin trên ECM.
- + Kể từ ngày được cấp tài khoản tham gia ECM, Công ty sử dụng tài khoản do SGDCK cấp và chữ ký số của công ty để thực hiện gửi hồ sơ, báo cáo và CBTT điện tử qua ECM, đồng thời gửi tài liệu bản giấy qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho SGDCK. Công ty kiểm tra, cập nhật các thông tin chung, thông tin cổ đông nội bộ và người có liên quan của công ty trên hệ thống ECM theo hướng dẫn của SGDCK; khi có thay đổi về các thông tin nêu trên, công ty phải cập nhật và chịu trách nhiệm về các thay đổi này.
- + Hỗ trợ ECM: 028.3821.7712; Email: hotro_ecm@hsx.vn

d. TTLKCK:

Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam: www.vsd.vn;

- e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử, ...).

3. Các quy định về trang thông tin điện tử (website) của công ty Tanimex:

- a. Khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
- b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế

hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác; các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm; các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm;

- c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
4. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng:
- a. Các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như: trả lời phỏng vấn, bài viết, thông tin bằng các hình thức khác... liên quan đến nội dung CBTT của công ty cần phải có sự thống nhất ý kiến của Ban lãnh đạo công ty.
 - b. Nếu chưa có ý kiến đồng ý của Ban lãnh đạo công ty thì thông tin đó không được xem là thông tin chính thức và không được công bố cho các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 10. Bảo quản, lưu giữ thông tin công bố

Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định, như sau:

1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.
2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

CHƯƠNG II. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 11. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Các nội dung công bố thông tin theo quy định:

Công bố thông tin định kỳ / bất thường / theo yêu cầu / các hoạt động khác của công ty và của các đối tượng khác.

Các phụ lục ban hành theo Quy chế này:

Phụ lục 1 - Chế độ báo cáo và công bố thông tin

Phụ lục 2 - Quy trình thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Phụ lục 3 - Quy trình công bố thông tin

2. Thời hạn và nội dung công bố thông tin:

a. Thời hạn và nội dung CBTT nêu tại Phụ lục 1 - Chế độ báo cáo và công bố thông tin ban hành kèm theo Quy chế CBTT này.

b. Thông tin công bố định kỳ: Bộ phận CBTT phải công bố trước thời hạn CBTT cuối cùng ít nhất 01 ngày; các Phòng, Ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần công bố) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Bộ phận CBTT tối thiểu trước 3 ngày theo thời hạn CBTT quy định.

c. Thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác: Bộ phận CBTT có trách nhiệm điều phối các cá nhân, đơn vị liên quan để chủ động thực hiện CBTT trước thời hạn CBTT cuối cùng tối thiểu là 12 giờ; các cá nhân, tổ chức liên quan (nơi phát sinh thông tin cần công bố) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Bộ phận CBTT trong vòng 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.

3. Phối hợp thực hiện CBTT giữa các phòng ban công ty:

Các cá nhân, phòng ban được phân công thực hiện nghĩa vụ CBTT của công ty theo quy định thông qua các phương tiện báo cáo.

a. Bộ phận CBTT thuộc Phòng Đầu Tư & Dự án trực tiếp thực hiện nghĩa vụ CBTT của công ty, trong phạm vi chức năng của mình đôn đốc, tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các Phòng Ban liên quan cung cấp theo các quy định. Bộ phận CBTT chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT. Bộ phận CBTT phải giám sát việc CBTT, hậu kiểm, lưu trữ và báo cáo ban lãnh đạo kết quả thực hiện.

b. Phòng Quản trị nhân sự - Hành chính chịu trách nhiệm quản trị website theo quy định, CBTT lên website công ty và gửi thông tin công bố bằng đường bưu điện ngay sau khi nhận được thông tin công bố của Phòng Đầu Tư & Dự án. Nhân viên IT, nhân viên văn thư phải giám sát việc CBTT, lưu trữ tài liệu CBTT trong phạm vi công việc được phân công.

c. Các bộ phận liên quan đến nội dung thông tin công bố có trách nhiệm cung cấp thông tin dưới hình thức văn bản giấy và dữ liệu điện tử cho Phòng ĐT&DA theo phạm vi chức năng và nhiệm vụ của đơn vị. Trưởng các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp.

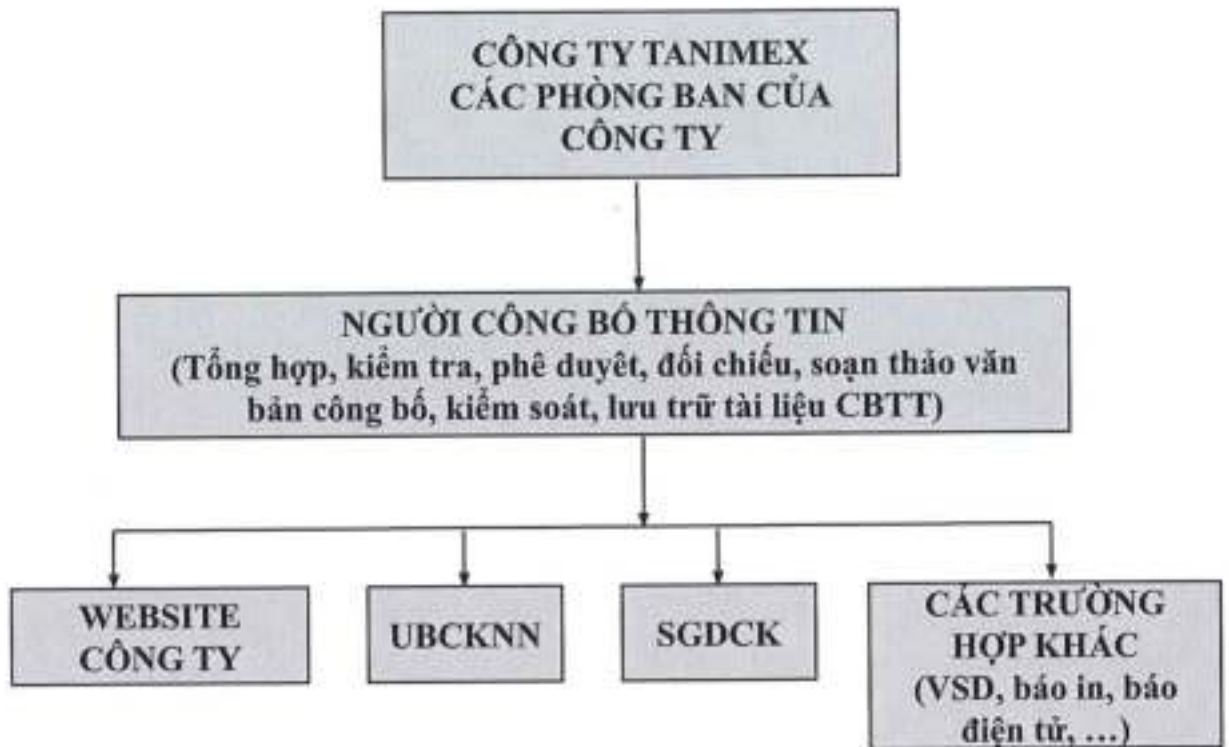
d. Thư ký công ty chịu trách nhiệm theo dõi nghĩa vụ CBTT liên quan đến HĐQT/ Ban Tổng Giám đốc và cung cấp thông tin cho Phòng ĐT&DA.

e. Tất cả thông tin công bố ra bên ngoài theo Quy chế này phải do Tổng Giám Đốc hoặc Người được ủy quyền CBTT ký văn bản và chịu trách nhiệm về nội dung công bố.

đ.

Điều 12. Trình tự công bố thông tin

1. Áp dụng tại Công ty, bao gồm các Phòng Ban của công ty.



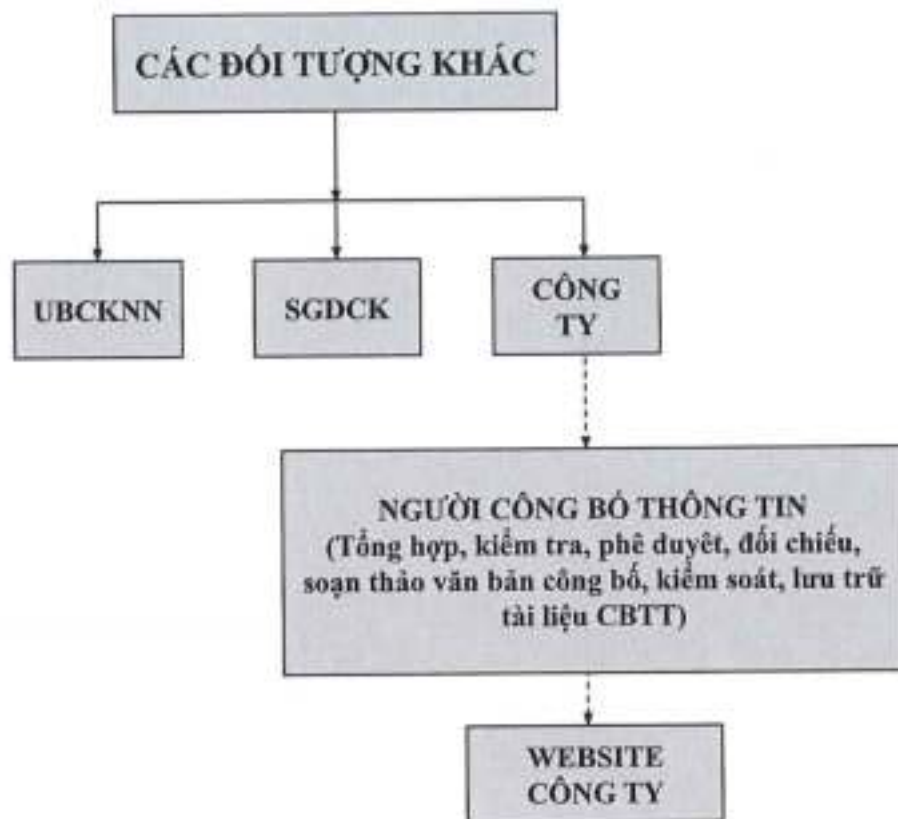
Ghi chú: → Người công bố thông tin tiếp nhận thông tin công bố của các phòng ban công ty, thực hiện CBTT trên các phương tiện CBTT theo quy định.

Lưu đồ 1: CBTT áp dụng cho các phòng ban công ty

2. Áp dụng cho các đối tượng khác:

Các đối tượng khác là đối tượng quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 Quy chế này, bao gồm:

- Người nội bộ của công ty;
- Người có liên quan của người nội bộ;
- Người có liên quan của công ty;
- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty;
- Tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật chứng khoán.



Ghi chú:

- Đối tượng khác gửi trực tiếp thông tin công bố đến UBCKNN, SGDCK, Công ty Tanimex
- - - -> Người CBTT tiếp nhận thông tin của đối tượng khác, thực hiện CBTT trên website công ty Tanimex.

Lưu đồ 2: CBTT áp dụng cho đối tượng khác

Điều 13. Quy trình công bố thông tin

Việc CBTT của Công ty Tanimex được thực hiện theo quy trình CBTT sau:

1. Các bước thực hiện quy trình:

- Bước 1: Cung cấp thông tin
- Bước 2: Xử lý thông tin
- Bước 3: Phê duyệt
- Bước 4: Công bố thông tin
- Bước 5: Hậu kiểm
- Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

2. Lưu đồ quy trình:

Phụ lục 3 - Quy trình công bố thông tin (ban hành theo Quy chế này)



CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Triển khai thực hiện

1. Các đối tượng CBTT liên quan, các Phòng ban, cán bộ, nhân viên trong công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Công ty để được hướng dẫn thực hiện.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT mà chưa được quy định trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này hoặc có các văn bản pháp luật mới thay thế cho các văn bản pháp luật được tham chiếu trong Quy chế này thì các đối tượng CBTT nêu tại Điều 2 Quy chế này phải tuân thủ nghĩa vụ CBTT được nêu tại các quy định pháp luật đó.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám Đốc và bộ phận chuyên môn.

Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Phòng, Ban, cá nhân, tổ chức có hành vi dẫn đến việc Công ty vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo pháp luật.
3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 03 chương, 17 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày được Hội đồng quản trị công ty ban hành.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT (b/c)
- Các Phòng/Ban
- Lưu HĐQT
- Lưu ĐT&DA-Nguyệt



NGUYỄN MINH TÂM

PHỤ LỤC 1. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty TANIMEX)

PHẦN A: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC PHÒNG BAN CỦA CÔNG TY

Khi phát sinh CBTT vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty phải thực hiện CBTT trên website của công ty ngay thời điểm ngày nghỉ, ngày lễ đó và tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT trên các phương tiện khác vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ đó.

I- CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI HẠN THỰC HIỆN			PHƯƠNG TIỆN	MẪU	BỘ PHẬN THỰC HIỆN
		QUY ĐỊNH CBTT	CÔNG TY CBTT	CUNG CẤP THÔNG TIN			
1	<p>Báo cáo tài chính:</p> <p>Khi CBTT các BCTC phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại; Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ báo cáo kiểm toán năng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới. 						
1.1	<p>Báo cáo tài chính năm đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p>	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (chậm nhất là ngày 29/12).	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. CBTT/SGDHCM-02, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM 2. BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC	- P. TCKT cung cấp BCTC và văn bản giải trình (nếu có) theo quy định. - P. DT&DA thực hiện CBTT. - P.QTNS-HC đăng website, gửi thư
1.2	<p>Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p> <ul style="list-style-type: none"> Phải là BCTC giữa niên độ đang đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "BCTC giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty. Phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét BCTC. 	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc tháng đầu năm tài chính (chậm nhất là ngày 15/5).	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. CBTT/SGDHCM-02, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM 2. BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Toàn văn BCTC BN phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.	

1.3	<p>Báo cáo tài chính quý hoặc Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> - BCTC quý phải là BCTC giữa niên độ đang đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "BCTC giữa niên độ". - Trường hợp đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý. 	<ul style="list-style-type: none"> - BCTC quý: trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý (chậm nhất Q1 là ngày 20/01, Q2 là ngày 20/04, Q3 là ngày 20/07, Q4 là ngày 20/10). - BCTC quý được soát xét (nếu có): trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán kế toán cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý (chậm nhất Q1 là ngày 14/2, Q2 là ngày 15/5, Q3 là ngày 14/7, Q4 là ngày 14/11). 	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trước thời hạn quy định 3 ngày</p>	<p>UBCKNN HOSE Website công ty</p>	<p>1. CBTT/SGDHCM-02, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM 2. BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Toàn văn BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.</p>
2	<p>Báo cáo thường niên</p>	<p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (chậm nhất là ngày 18/01 năm kế tiếp).</p>	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký BCTC năm được kiểm toán.</p>	<p>UBCKNN HOSE Website công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> - P. TCKT cung cấp thông tin tài chính. - P. QTNS-HC cung cấp thông tin về quản trị công ty, đăng website và gửi thư. - P. DT&DA cung cấp thông tin về cổ đông và thực hiện CBTT.
3	<p>Báo cáo tình hình quản trị công ty</p>					
3.1	<p>Báo cáo tình hình quản trị công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 6 tháng đầu năm dương lịch 6 tháng cuối năm dương lịch 	<ol style="list-style-type: none"> 6 tháng đầu năm dương lịch: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm (chậm nhất là ngày 30/07) Năm dương lịch: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (chậm nhất 	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trước thời hạn quy định 20 ngày</p>	<p>UBCKNN HOSE Website công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> - P. QTNS-HC cung cấp thông tin về quản trị công ty, đăng website và gửi thư. - P. DT&DA cung cấp thông tin về cổ đông và thực hiện CBTT.

		là ngày 30/01 năm tiếp theo).	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	HOSE	<ul style="list-style-type: none"> - P. QTNS-HC cung cấp thông tin về quản trị công ty, đăng website và gửi thư. - P. ĐT&DA thực hiện CBTT.
3.2	<p>Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. 6 tháng đầu năm dương lịch b. 6 tháng cuối năm dương lịch 	<ul style="list-style-type: none"> a. 6 tháng đầu năm dương lịch: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm (chậm nhất là ngày 30/07) b. Năm dương lịch: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo). 	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	HOSE	<ul style="list-style-type: none"> - P. ĐT&DA cung cấp thông tin về cổ đông và thực hiện CBTT. - P. QTNS-HC đăng website và gửi thư
3.3	<p>Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty theo số cổ đông gần nhất tại thời điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. 6 tháng đầu năm dương lịch b. 6 tháng cuối năm dương lịch 	<ul style="list-style-type: none"> a. 6 tháng đầu năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05 và gửi cho HOSE chậm nhất là ngày 10/06. b. 6 tháng cuối năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10/12. 	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	HOSE	<ul style="list-style-type: none"> 1. CBTT/SGDHCM-02, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM 2. CBTT/SGDHCM-03, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Một (01) bản báo cáo theo mẫu. + Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel 1. CBTT/SGDHCM-02, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM 2. CBTT/SGDHCM-04, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Một (01) bản báo cáo theo mẫu. + Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel
4	Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên:	<p>Trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p>Trò trường họp Điều lệ công ty có quy định khác, HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết,</p>			UBCKNN HOSE Website công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký công ty: hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT <p>ĐHĐCĐ thường niên họp mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa đảm nhiệm dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>

4.4	CBTT Biên bản họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Biên bản họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.	- P. QTNS-HC cung cấp NQ, BB, đăng website và gửi thư - P. ĐT&DA thực hiện CBTT.
5	Báo cáo về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án	Định kỳ 6 tháng, trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được	Định kỳ hằng năm		UBCKNN HOSE Website công ty	1. CBTT/SGDHCM-02, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM 2. Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/ số tiền thu được từ đợt chào bán/ đợt phát hành theo mẫu số 01, Nghị định 155/2020/NĐ-CP 3. Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.	- P. TC-KT cung cấp Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. - P. ĐT&DA CBTT. - P. QT-HC đăng website, gửi thư

II- CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Khi công bố thông tin bất thường, công ty đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI HẠN CBTT			PHƯƠNG TIỆN	MẪU	BỘ PHẬN THỰC HIỆN
		QUY ĐỊNH	CÔNG TY	CUNG CẤP THÔNG TIN			
1	Công ty đăng ký thông tin liên hệ sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại	Trong thời gian 24 giờ trước khi sự thay đổi thông tin liên hệ có hiệu lực	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. CBTT/SGDHCM-01, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM	- P. ĐT&DA CBTT - P. QT-HC đăng website, gửi thư
2	Thay đổi nội dung thông tin đã công bố	Trong thời gian 24 giờ kể từ khi có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Công văn thông tin đính chính, nêu rõ thông tin thay đổi và lý do thay đổi	- Bộ phận phát sinh thông tin thay đổi, cần đính chính - P. ĐT&DA CBTT - P. QT-HC đăng

									website, gửi thư
3	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:								
3.1	Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu	Tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Các tài liệu có liên quan	- P.ĐT&DA CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư		
3.2	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.							
3.3	Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu là lệ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu là lệ	Thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin							
4	Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P.ĐT&DA CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư		
5	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P.ĐT&DA CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư		

6	<p>CBTT về người thực hiện CBTT, người được ủy quyền CBTT:</p> <p>Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện, người được ủy quyền CBTT trong lần CBTT đầu tiên và thông báo chậm trễ việc ủy quyền CBTT trong lần CBTT cuối cùng.</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực</p>	<p>Trước thời hạn quy định 12 giờ</p>	<p>Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện</p>	<p>UBCKNN HOSE Website công ty</p>	<p>1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Nghị quyết/Quyết định về thay đổi/bổ nhiệm mới/bổ nhiệm lại/ bãi nhiệm người thực hiện, người được ủy quyền CBTT 3. Giấy ủy quyền CBTT: Phụ lục 01, Thông tư 96/2020/TT-BTC. 4. Bản cung cấp thông tin: Phụ lục 03, Thông tư 96/2020/TT-BTC 5. Danh sách người có liên quan: CBTT/SGDHCM.05, Quy chế 34/QĐ-SGDHCM</p>	<p>- Thư kỹ công ty cung cấp thông tin số 2,3,4,5 - P.ĐT&DA thực hiện CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư</p>
7	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu						
7.1	<p>CBTT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu</p>	<p>Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng</p>	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trước thời hạn quy định 3 ngày</p>	<p>UBCKNN HOSE TTLKCK Website công ty</p>	<p>1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền: 2.1 Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng: (07/THQ). 2.2 Các tài liệu kèm theo: + Nghị quyết ĐHĐCĐ, Quyết định của HĐQT về nội dung thực hiện quyền. + Các tài liệu liên quan khác (nếu có).</p>	<p>- Thư kỹ công ty cung cấp thông tin Nghị quyết, Quyết định, tài liệu họp ĐHĐCĐ/HĐQT - P.ĐT&DA cung cấp thông tin về cổ đông và thực hiện CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư</p>
7.2	<p>Thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà công ty đã đăng ký với VSD) - Đối với chứng khoán lưu ký: Chậm nhất 2 ngày làm việc trước ngày thanh toán cổ tức, công ty phải chuyển đủ số tiền thanh toán vào tài khoản tiền theo thông báo của VSD. Tiền thanh toán cổ tức cho người sở hữu chứng khoán lưu ký được VSD phân bổ vào tài khoản của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất 01 ngày làm việc liền trước ngày thanh toán, công ty phải thông báo bằng văn bản cho VSD nếu rõ lý do 	<p>Trong vòng 8 ngày làm việc liền sau ngày đăng ký cuối cùng và trước ngày thực hiện quyền ít nhất là 02 ngày làm việc</p>	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trước thời hạn quy định 3 ngày</p>	<p>TTLKCK</p>	<p>- Công ty phải gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán cho VSD. - Trường hợp không chấp thuận với thông tin trong Danh sách, Công ty phải gửi Thông báo bằng văn bản cho VSD nếu rõ lý do. - Trường hợp công ty ủy quyền cho VSD trong việc gửi thư mới hoặc làm đại lý thực hiện việc bổ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và công ty.</p>	<p>- P.ĐT&DA thực hiện CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư</p>



9.1	CBTT về việc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến có đồng bằng văn bản					Việc CBTT thực hiện giống như họp ĐHQĐ thường niên	<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký công ty: hồ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHQĐ, HĐQT - P. QTN-S-HC cung cấp Nghị quyết, Quyết định, tài liệu liên họp ĐHQĐ/HĐQT, đăng website và gửi thư - P. ĐT&DA cung cấp thông tin về cổ đông và thực hiện CBTT
9.2	<p>CBTT Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHQĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng bình thư, fax, hoặc thư điện tử - HĐQT sẽ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty 	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty Gửi thư có đóng	<p>1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Mục đích lấy ý kiến Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT. <p>2. Các tài liệu có liên quan việc lấy ý kiến</p>	
10	<p>10 Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm người nội bộ</p> <p>Đối với việc cung cấp thông tin của người nội bộ và người có liên quan của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có số hữu và không số hữu có phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC. - Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, Công ty gửi chú tài trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ghi rõ "người liên quan không cung cấp thông tin". - Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty báo cáo HOSE theo mẫu Phụ lục II theo Quy chế 21/QĐ-SGDVN. - Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin. 						
10.1	Nghị quyết/Quyết định về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký công ty cung cấp thông tin nội dung 10.1, 10.2, 10.3, 10.4. - P. ĐT&DA thực hiện CBTT. - P. Q-T-HC đăng 	

10.2	Trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày CBTT về việc thay đổi nhân sự	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trước thời hạn quy định 1 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	Thập hiện CBTT tại 10.1 và bổ sung bỏ sơ: 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan: CBTT/SGDHCM-05, Quy chế 340/QĐ-SGDHCM.	website, gửi thư
10.3	Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại ĐHĐCĐ	Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục I, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Đơn xin từ nhiệm của TVHĐQT, TV BKS	
10.4	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trước thời hạn quy định 1 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục II, Quy chế 21/QĐ-SGDVN	
11	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngưng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Tài liệu liên quan.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.
12	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.
13	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; bán hàng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.



14	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. BT&DA CBTT.
14.1	Ngày ĐKCC thực hiện quyền chi cổ tức	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE TTLKCK Website công ty	Thực hiện theo nội dung CBTT về ngày ĐKCC thực hiện quyền	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. BT&DA CBTT. - P.TC-KT thanh toán cổ tức bằng tiền mặt
14.2	Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ. HĐQT xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả	Thời hạn 6 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHKCD thường niên					
14.3	HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức	Chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức					
14.4	Thông báo về trả cổ tức	Chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	Website công ty Gửi cổ đông	1. Được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông 2. Thông báo phải gồm các nội dung sau: - Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân - Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức. - Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận. - Thời điểm và phương thức trả cổ tức. - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty	
15	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng số vốn trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. BT&DA CBTT.

16	Quyết định của DHCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.
17	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.
18	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.
19	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.
20	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.
21	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.
22	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. QTNS-HC cung cấp thông tin, đăng website, gửi thư. - P. DT&DA CBTT.

28	Công ty đăng ký mở hình công ty và loại BCTC khi thay đổi mô hình công ty. Do tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng số hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm số hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện: Sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trước thời hạn quy định 1 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục IV, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định.	- P. TC-KT cung cấp thông tin. - P. DT&DA CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư
29	Trường hợp tăng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị mỗi lần từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện: Sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trước thời hạn quy định 1 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Quyết định	- P. TC-KT cung cấp thông tin. - P. DT&DA CBTT - P.QT-HC đăng website, gửi thư
30	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỹ báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. BCTC	- P. TC-KT cung cấp thông tin. - P. DT&DA CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư
31	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện và CBTT cùng thời điểm với BCTC liên quan	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trước thời hạn quy định 1 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. BCTC 3. Ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét của kiểm toán và giải trình của công ty	- P. TC-KT cung cấp thông tin. - P. DT&DA CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư

III- CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI HẠN CBTT			PHƯƠNG TIỆN	MẪU	BỘ PHẬN THỰC HIỆN
		QUY ĐỊNH	CÔNG TY	CUNG CẤP THÔNG TIN			
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HOSE khi xảy ra sự kiện.	Trước thời hạn quy định 12 giờ	Trong thời hạn 5 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện	UBCKNN HOSE	L. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN	<ul style="list-style-type: none"> Bộ phận liên quan cung cấp thông tin theo yêu cầu. P. DT & DA CBTT. P. QT-HC đăng website, gửi thư
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.					Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).	

IV- CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI HẠN CBTT			PHƯƠNG TIỆN	MẪU	BỘ PHẬN THỰC HIỆN
		QUY ĐỊNH	CÔNG TY	CUNG CẤP THÔNG TIN			
1	<p>Trang thông tin điện tử (website) công ty:</p> <p>Tổ chức là đối tượng CBTT phải lập trang thông tin điện tử, có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:</p> <p>a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm;</p> <p>b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm.</p>	<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;</p>	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty Phương tiện thông tin đại chúng	<ul style="list-style-type: none"> Công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyển mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Báo cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định; Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó. 	<ul style="list-style-type: none"> P. QTNS-HC quản lý website theo quy định.



2	Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc CBTT của công ty đại chúng	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng hoặc hủy tư cách công ty đại chúng	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Thông báo của UBCKNN	- P.ĐT&DA CBTT. - P.QTNS-HC đăng website, gửi thư
3	Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn	Kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn	- P.ĐT&DA CBTT. - P.QTNS-HC đăng website, gửi thư
		Trong vòng 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ CBTT như công ty đại chúng quy mô lớn	
		Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN HOSE Website công ty	1. Phụ lục VII, Quy chế 21/QĐ-SGDVN	
4	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng:						
4.1	Thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa 1. Công ty có trách nhiệm xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh và thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ SHNN tối đa tại công ty. 2. Trường hợp Công ty chưa thực hiện thông báo tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định, công ty phải thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ SHNN tối đa trước khi nộp hồ đăng ký niêm yết, chuyển niêm yết, đăng ký giao dịch, chào bán, phát hành chứng khoán, có đồng công ty đại chúng chào bán cổ phiếu ra công chúng.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng	Trước thời hạn quy định 1 ngày	Trước thời hạn quy định 3 ngày	UBCKNN	Hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN: 1. Giấy thông báo về tỷ lệ SHNN tối đa tại công ty theo mẫu số 38 Nghị định 155/2020/NĐ-CP 2. Giấy chứng nhận ĐKDN, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tư pháp lý có giá trị tương đương, giấy xác nhận thay đổi nội dung ĐKDN, trong đó có nội dung về ngành nghề ĐKDN. 3. Trường hợp doanh nghiệp có cổ phần hóa thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ SHNN của công ty (nếu có). 4. Điều lệ công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ SHNN tối đa tại công ty (đối với trường hợp công ty quyết định tỷ lệ SHNN tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định, thì tỷ lệ cụ thể phải được ĐHĐCĐ thông qua và quy định tại Điều lệ công ty).	- P.ĐT&DA CBTT. - P.QTNS-HC gửi thư

4.2	<p>Thực hiện thủ tục thông báo thay đổi tỷ lệ SHINN tối đa kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện sau:</p> <p>a. Thay đổi ngành, nghề chủ tư kinh doanh dẫn đến thay đổi tỷ lệ SHINN tối đa tại công ty.</p> <p>b. Quy định pháp luật về SHINN đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh công ty đang hoạt động có sự thay đổi.</p> <p>c. Điều lệ công ty có quy định thay đổi tỷ lệ SHINN tối đa.</p>	<p>Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi xảy ra các sự kiện</p>	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trước thời hạn quy định 3 ngày</p>	<p>UBCKNN</p>	<p>Hồ sơ Thông báo về thay đổi tỷ lệ SHINN khi xảy ra các sự kiện:</p> <p>1. Giấy thông báo về thay đổi tỷ lệ SHINN tối đa tại công ty theo mẫu số 39 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>2. Tài liệu 2, 3, 4 như quy định tại hồ sơ thông báo tỷ lệ SHINN</p>	<p>- P.ĐT&DA CBTT. - P.QT-HC gửi thư</p>
4.3	<p>Thông báo về tỷ lệ SHINN tối đa hoặc thông báo thay đổi tỷ lệ SHINN tối đa tại công ty</p>	<p>Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ</p>			<p>UBCKNN TTLKCKVN Công ty</p>	<p>UBCKNN gửi thông báo cho công ty và đồng thời gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cấp nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ SHINN tối đa tại công ty đại chúng.</p>	<p>- P.ĐT&DA CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư</p>
5	<p>Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.</p>	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trước thời hạn quy định 3 ngày</p>	<p>UBCKNN HOSE Website công ty</p>	<p>Công ty phải thực hiện CBTT về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.</p> <p>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được gửi trong số kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT</p>	<p>- P.ĐT&DA CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư</p>
6	<p>Công khai lợi ích liên quan</p>	<p>Công ty phải tạo điều kiện để cổ đông, người đại diện của cổ đông, người nội bộ có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn.</p>				<p>Công ty</p>	
6.1	<p>Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty và các hợp đồng giao dịch tương ứng của họ với công ty.</p>	<p>Ngày khi phát sinh sự kiện</p>	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trước thời hạn quy định 3 ngày</p>	<p>UBCKNN HOSE Website công ty</p>	<p>Báo cáo ĐHKD thường niên</p> <p>Báo cáo quản trị 6 tháng & năm, BC thường niên</p> <p>Lưu giữ tại trụ sở chính của công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách tại các chi nhánh của công ty.</p>	<p>Thư ký công ty tập hợp và cập nhật danh sách, lưu trữ, cung cấp hồ sơ cho P.ĐT&DA P.ĐT&DA CBTT</p>

6.2	<p>Người nội bộ của công phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình.</p> <p>Người nội bộ, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được một cách vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.</p> <p>Người nội bộ nhằm danh cá nhân hoặc nhằm danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không kê khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. - Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. 	<p>Trước thời hạn quy định 1 ngày</p>	<p>Trước thời hạn quy định 3 ngày</p>	<p>UBCKNN HOSE Website công ty</p>	<p>Người nội bộ của công phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.</p> <p>b- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sốหุ้น hoặc sốหุ้น riêng phần góp vốn hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ</p> <p>Báo cáo thay đổi người có liên quan theo mẫu Phụ lục II, Quy chế 21/QĐ-SGDVN</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người nội bộ của công ty báo cáo thay đổi có liên quan cho HĐQT - Thư ký công ty tiếp hợp và cấp nhật danh sách, lưu trữ, cung cấp bộ sơ cho PBT&DA - PBT&DA CBTT
6.3	<p>Các giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc với những người có liên quan của người nội bộ, người có liên quan của công ty.</p>	<p>Ngày khi phát sinh sự kiện</p>	<p>CBTT bắt đầu từ 24 giờ kể từ khi có quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo</p>	<p>UBCKNN HOSE Website Công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người nội bộ và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT về các giao dịch liên quan. - Các HD, giao dịch được HĐQT chấp thuận: khi ký HD, giao dịch, Người đại diện công ty phải thông báo cho TV HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi bản dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch, HĐQT quyết định chấp thuận hợp đồng giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; TV HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong HD, giao dịch không có quyền biểu quyết. - Đối với các HD, giao dịch được ĐHĐCĐ chấp thuận: khi ký HD, giao dịch, Người đại diện công ty phải thông báo cho TV HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi bản dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch, HĐQT trình dự thảo HD, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong HD, giao dịch không có quyền biểu quyết. <p>- Công ty phải công khai HD, giao dịch có liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty; Người có liên quan của công ty; Người nội bộ; Người có liên quan của người nội bộ; Người quản lý khác báo cáo về các giao dịch liên quan - PBT&DA CBTT bắt đầu từ quyết định chấp thuận các hợp đồng, giao dịch - PQT-HC đăng website, gửi thư

PHẦN B - HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Các đối tượng khác theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 Quy chế CBTT là:

(2) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- a. Người nội bộ của công ty;
- b. Người có liên quan của người nội bộ;
- c. Người có liên quan của công ty;
- d. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty;

(3) Tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Khi phát sinh CBTT vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, thực hiện CBTT trên website của công ty ngay thời điểm ngày nghỉ, ngày lễ đó và tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT trên các phương tiện khác vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ đó.

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	QUY ĐỊNH	PHƯƠNG TIỆN	MÀU	THỰC HIỆN
1	<p>Trang thông tin điện tử (website) công ty:</p> <p>Tổ chức là đối tượng CBTT phải lập trang thông tin điện tử, có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:</p> <p>a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin và việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm;</p> <p>b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm.</p>	<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;</p>	<p>UBCKNN</p> <p>HOSE</p> <p>Website công ty</p> <p>Phương tiện thông tin đại chúng</p>	<p>Công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này.</p> <p>Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này.</p> <p>Chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty. Quy chế công bố thông tin. Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có). Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Ban cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p> <p>Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.</p>	<p>Tổ chức là đối tượng CBTT</p>
	<p>Việc gửi báo cáo CBTT của nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT bằng hình thức fax, email được thực hiện đồng thời với hình thức gửi công văn qua đường bưu điện. Hệ thống CBTT của UBCKNN</p>			<p>Số fax nhận báo cáo công bố thông tin: 024.3934.0739</p> <p>Email nhận báo cáo công bố thông tin của nhà đầu tư liên quan công ty đại chúng: cbm@ssc.gov.vn</p>	

1	<p>Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan số hầu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ số hầu có phiếu qua các ngưỡng 1% được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán. - Không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu. 	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.</p>	<p>UBCKNN HOSE Công ty đại chúng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn: Phụ lục VII, Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Đối với nhóm nhà đầu tư nước ngoài: Phụ lục IX, Thông tư 96/2020/TT-BTC 	<p>Cổ đông, nhóm cổ đông lớn</p>
1.1	<p>Khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng, tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan số hầu từ 5% trở lên phải thực hiện báo cáo và CBTT</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi</p>	<p>UBCKNN HOSE Công ty đại chúng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về thay đổi số hầu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên có phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII, Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Đối với nhóm nhà đầu tư nước ngoài: Phụ lục X, Thông tư 96/2020/TT-BTC 	<p>Cổ đông, nhóm cổ đông lớn</p>
1.2	<p>Khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu số hầu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết, tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan số hầu từ 5% trở lên phải thực hiện báo cáo và CBTT</p> <p>Việc thay đổi tỷ lệ số hầu có phiếu vượt quá các ngưỡng 1% được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%... (không căn cứ trên tỷ lệ số hầu của lần báo cáo gần nhất)</p>	<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ số hầu có phiếu</p>	<p>Website công ty</p>	<p>1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Báo cáo (đó có đồng cung cấp)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - P.ĐT&DA CBTT. - PQT-HC đăng website, gửi thư
1.3	<p>Công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty</p>				
2	<p>Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp phải gửi báo cáo về việc thực hiện giao dịch. - Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bộ sung nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc chuyển nhượng nêu trên. 				
2.1	<p>Thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập</p>	<p>Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch</p>	<p>UBCKNN HOSE TTLCKVN Công ty đại chúng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập: Phụ lục XI, Thông tư 96/2020/TT-BTC. 	<p>Cổ đông sáng lập</p>
2.2	<p>Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch</p>	<p>UBCKNN HOSE TTLCKVN Công ty đại chúng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập: Phụ lục XII, Thông tư 96/2020/TT-BTC. 	<p>Cổ đông sáng lập</p>



2.3	Công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Thông báo / Báo cáo (do cổ đông cung cấp)	- F.ĐT&DA.CBTT. - P.QT-HC đăng website, gửi thư
3	<p>Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ</p> <p>Người nội bộ và người có liên quan phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:</p> <p>a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p> <p>b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liên sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK.</p> <p>c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm a và thực hiện theo quy định pháp luật về phát hành chào bán, phát hành, chào mua công khai.</p> <p>d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.</p> <p>e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p> <p>f. Quy định về nghĩa vụ CBTT tại điểm a, b, d không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty đại chúng hoặc người có liên quan của công ty đại chúng này.</p> <p>g. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT áp dụng đối với cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.</p> <p>h. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT áp dụng đối với cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với cổ đông lớn.</p> <p>i. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định này.</p> <p>j. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (cộng đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty của công ty đại chúng thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng, phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.</p> <p>k. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ, khi thực hiện mua lại giao dịch cổ phiếu, công ty phải báo cáo trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch của lần.</p>		UBCKNN HOSE Công ty đại chúng	- Thông báo giao dịch: Phụ lục XIII, Thông tư 96/2020/TT-BTC. - Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan: Phụ lục XV, Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Người nội bộ và người có liên quan Người nội bộ và người có liên quan
3.1	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch	UBCKNN HOSE Công ty đại chúng	- Thông báo giao dịch: Phụ lục XIII, Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Người nội bộ và người có liên quan
3.2	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan Đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	UBCKNN HOSE Công ty đại chúng	- Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan: Phụ lục XV, Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Người nội bộ và người có liên quan



3.3	Công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Thông báo / Báo cáo (do cổ đông cung cấp)	P. DT&DA và P. QT-HC thực hiện CBTT
3.4	Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ, phải báo cáo khi thực hiện mua hoặc giao dịch cổ phiếu.	Thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch mua hoặc	UBCKNN HOSE Công ty đại chúng	Báo cáo thực hiện mua hoặc giao dịch	Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ
4	Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai				
Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu và công ty quản lý quỹ đầu tư mục tiêu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai					
4.1	Đăng ký chào mua công khai Thời gian thực hiện 1 đợt chào mua công khai tối thiểu là 30 ngày giao dịch và tối đa là 60 ngày giao dịch kể từ ngày bắt đầu nhận đăng ký bán, đăng ký hoàn tất được xác định trong Bản thông báo chào mua công khai	Thời điểm phát sinh sự kiện	UBCKNN Công ty mục tiêu	Gửi hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai
4.2	Công ty mục tiêu có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	HOSE Website công ty	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Thông báo về việc nhận được đề nghị chào mua công khai	Công ty mục tiêu
4.3	HDQT công ty mục tiêu phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư về danh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	UBCKNN HOSE Website công ty mục tiêu	1. Phụ lục VI, Quy chế 21/QĐ-SGDVN 2. Báo cáo về danh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai Trường hợp một hoặc một số TV HDQT có ý kiến khác, HDQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.	Công ty mục tiêu
4.4	UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN	Website của UBCKNN Tổ chức, cá nhân chào mua công khai	Thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào mua công khai hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành (trường hợp chào mua công khai bằng cổ phiếu phát hành) Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	UBCKNN

4.5	CBTT giao dịch chào mua công khai Việc chào mua công khai chỉ được thực hiện sau tối thiểu 3 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân chào mua công khai CBTT	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào mua công khai hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành	HOSE Website của tổ chức chào mua công khai (nếu có) Đại lý chào mua công khai	Thông báo chào mua công khai: - Bản CBTT chào mua công khai (trường hợp chào mua công khai bằng tiền) theo mẫu Phụ lục 20, Thông tư 118/2020/TT-BTC - Hoặc Bản cáo bạch (trường hợp chào mua công khai bằng cổ phiếu phát hành)	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai
4.6	Rút lại đề nghị chào mua công khai				
a	Báo cáo việc rút lại đề nghị chào mua công khai	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện được đề nghị rút lại việc chào mua	UBCKNN	Báo cáo việc rút lại đề nghị chào mua công khai	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai
b	Công bố việc rút lại đề nghị chào mua công khai	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản thông báo của UBCKNN	HOSE Website của tổ chức chào mua công khai (nếu có) Đại lý chào mua công khai	Văn bản thông báo của UBCKNN Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị rút lại chào mua công khai, UBCKNN có ý kiến trả lời bằng văn bản	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai
4.7	Báo cáo tiếp tục chào mua công khai	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng nhận đăng ký mua, hoàn đổi	UBCKNN HOSE Website của tổ chức chào mua công khai (nếu có) Đại lý chào mua công khai	Thông báo tiếp tục chào mua công khai	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai
4.8	Báo cáo kết quả chào mua công khai Đối với trường hợp chào mua công khai bằng cổ phiếu phát hành, báo cáo kết quả đợt chào mua công khai đồng thời là báo cáo kết quả đợt phát hành	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai	UBCKNN HOSE Website của tổ chức chào mua công khai (nếu có) Đại lý chào mua công khai	Báo cáo kết quả chào mua công khai	Tổ chức, cá nhân chào mua công khai

PHẦN C: MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nội dung	Đính kèm
Phụ lục kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC	<u>Phụ lục kèm TT-BTC 96-2020.docx</u>
Mẫu biểu kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP	<u>Mẫu số 01-Báo cáo sự dụng von - ND-CP-155-2020</u>
Phụ lục kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK Việt Nam	<u>Mẫu biểu, phụ lục (7) kèm Quy chế CBTT-SGDVN QĐ-21-2021</u>
Phụ lục, mẫu biểu kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK TPHCM	<u>Mẫu biểu, phụ lục (7) kèm Quy chế CBTT - HSX QĐ 340-2016.docx</u>
Mẫu biểu kèm theo Quy chế thực hiện quyền của TTLKCKVN	<u>Mẫu biểu kèm Quy chế THQ - VSD QĐ 02-2020.docx</u>

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

MÃ HIỆU	NỘI DUNG
Phụ lục I, TT-BTC 96-2020	GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC
Phụ lục II, TT-BTC 96-2020	GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN
Phụ lục III, TT-BTC 96-2020	BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
Phụ lục IV, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Phụ lục V, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
Phụ lục VI, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP
Phụ lục VII, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH / KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU
Phụ lục VIII, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU
Phụ lục IX, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU
Phụ lục X, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU
Phụ lục XI, TT-BTC 96-2020	THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
Phụ lục XII, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
Phụ lục XIII, TT-BTC 96-2020	THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
Phụ lục XIV, TT-BTC 96-2020	THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
Phụ lục XV, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
Phụ lục XVI, TT-BTC 96-2020	BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYÊN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

CTCP

SĐKK

**Phụ lục I
Appendix I**

**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../GUQ-...

..., ngày... tháng...năm....

No: .../GUQ-...

..., month ... day...year....

Giấy ủy quyền thực hiện công
bố thông tin*

Power of the attorney to
Disclose information*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/Principal (hereinafter referred to as “Party A” - is a company, organization with obligation to disclose information):

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/ Trading name of organization, company:

- Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)/ Name of public securities investment fund (in case the fund management company registers authorized person to disclose information for public fund)

- Mã chứng khoán/Securities code:

- Địa chỉ liên lạc/Address:

Điện thoại/Telephone:..... Fax: Email:.....- Website:

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”) /Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”):

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue

- Địa chỉ thường trú/ Permanent residence:

- Chức vụ tại tổ chức, công ty/ Position in the organization, company:

III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):



- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A/*Party B is appointed as the “Authorized person to disclose information” of Party A.*

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Party B, on behalf of Party A, is responsible to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/ *This Power of Attorney shall take effect from... until a written notice of revocation is submitted by(Name of organization, company/ Name of fund management company).*

**BÊN A / NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**

PARTY A/ LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)

BÊN B /PARTY B

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tài liệu đính kèm/Attachments:

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục 3/*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as Appendix 03;*

Ghi chú: Đối với tổ chức là nhà đầu tư nước ngoài, bên A là người đại diện theo pháp luật được thay thế bằng người đại diện theo thẩm quyền.

Note: For an organisation that is a foreign investor, party A is the legal representative instead of authorised representative.

Phụ lục II
Appendix II

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CÁ NHÂN
FULL NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: .../GUQ-...

..., ngày... tháng ...năm....

No: .../GUQ-...

..., month ... day ...year....

Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin*

Power of the attorney to
Disclose information*

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of Public company/fund management company.

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin)/*Principal (hereinafter referred to as “Party A” - is an individual investor with obligations to disclose information)*

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):
- Quốc tịch/ Nationality:
- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.):

Ngày Cấp/Date of issue Nơi cấp/Place of Issue.....

- Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ liên hệ/Permanent residence/Address:
- Mã số giao dịch (đối với NĐTNN) Trading Code (forforeign investors):
- Các tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/The securities trading accounts or depository accounts (if any):

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)/ Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”):

a) Trường hợp tổ chức được chỉ định, ủy quyền thực hiện công bố thông tin/ In case an organization is designated, authorized to disclose information:

- Tên tổ chức/ Organisation's name:
- Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Head office address (address)/tel/fax/email....

146
NG T
PH
KINH
HẬP N
VÀ Đ
- B
TR HO

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp... nơi cấp.../ *Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents..., date of issue..., place of issue...*

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức/Tên của cá nhân mà tổ chức đó chỉ định thực hiện việc công bố thông tin/*Name of the legal representative of that organisation/Name of authorized person of that organisation who is directly in charge of information disclosure:*

b) Trường hợp cá nhân được ủy quyền thực hiện công bố thông tin/ *In case an individual is designated, authorized to disclose information:*

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs):*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.):*

Ngày Cấp/*Date of issue...* Nơi cấp/*Place of issue...*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent residence/:*

- Số điện thoại/*Telephone number:*

- Nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ nơi công tác/ *Occupation: at: working address:...*

- Chức vụ tại tổ chức, công ty nơi công tác/*Position in the organization/ company:*

III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):

Bằng giấy ủy quyền này: Bên A ủy quyền cho bên B làm "Người công bố thông tin của bên A". Bên A có trách nhiệm cung cấp thông tin về giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của mình cho bên B và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với thông tin cung cấp cho bên B. Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến các giao dịch của bên A theo quy định pháp luật/*By this authorization: Party A authorizes Party B to perform "information disclosure for Party A ". Party A shall provide information on share/fund certificate transactions to Party B and be responsible for the completeness, timeliness and accuracy of the information provided to Party B. Party B shall perform the obligations of information disclosure relating to the transactions of party A in accordance with the law.*

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/*This Power of Attorney shall take effect from* đến ngày/to..... hoặc đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của bên A/*until a written notice of revocation is submitted by Party A.*

BÊN A /PARTY A
(Ký, ghi rõ họ tên)
(*Signature, full name*)

BÊN B /PARTY B
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)
(*Signature, full name and seal- in case of organisation*)

**Phụ lục III
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

....., ngày.... tháng ... năm....
....., day month year....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name:

2/ Giới tính/Sex:

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue Nơi cấp/Place of issue.....

6/ Quốc tịch/Nationality:

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules:

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure:

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

14/ Số CP nắm giữ: chiếm % vốn điều lệ, trong đó/
Number of owning shares , accounting for% of
charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/ *Other owning commitments (if any):*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* / *List of affiliated persons of declarant:*

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Số No	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tên khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Security instrument (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ Relation ship with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document of ID/Passport/ Business Register for Certificate	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số có phiếu sở hữu cuối kỳ Number of share s issued at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu có phiếu cuối kỳ Percentage of share s owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate of person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate of person/ internal person	Lý do (từ phút sinh thay đổi liên quan đến scope 13 và 14) Reason s (when arising change s related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Note (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nguyễn Văn A	xxxxxx xx	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors		CMND ID	024123 456	10/12/ 015	HCM City' s Public Security	16 Võ Văn Kiệt, District 1, HCM C			01/01/2 020	15/05/2 020	Mãn nhiệm Dismissed	
1.0 1		Nguyễn Thị B	yyyyyy yy		Vợ wife	CMND ID Card No.	025123 456	11/05/2 018	HCM City' s Public Security	1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, District 1, HCM C			04/05/2 018			
1.0 2																
15		Nguyễn Văn C	xxxxxx xx	Kế toán trưởng Chief Accountant		CMND ID Card No.	020123 456	11/02/2 011	Public Security				14/03/2 020		mã nhiệm Appointed	
15. 2 5		Nguyễn Thị D			Con Child											No ID Card
15. 2 6		Công ty Cổ phần ABC			Tổ chức có liên quan Related organization	GCNĐK ĐN Business Register or Certificate	301234 56	15/10/2 014					15/04/2 020		mã nhiệm Appointed	Nguyễn Văn C là thành viên HĐQT CTCP ABC Board member

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)*

**Phụ lục IV
Appendix IV**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: .../BC-....
No: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....
..., month... day... year...

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm /Year**

Kính gửi:

To:

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*:
- Vốn điều lệ/*Charter capital*:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*:
- Địa chỉ/*Address*:
- Số điện thoại/*Telephone*:
- Số fax/*Fax*:
- Website;
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*:
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).
- Các sự kiện khác/ *Other events*:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

5. Các rủi ro/*Risks*: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years*.

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (*List the changes in the Board of Management in the year*).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/*(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

4. *Tình hình tài chính/Financial situation*

a) *Tình hình tài chính/Financial situation*

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year X-1	Năm/ Year X	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>			
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset value</i>			
Doanh thu/ <i>Revenus</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	Ghi chú/ <i>Note</i>
<p>1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u></p>			
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>			
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>+ Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover</i>:</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)</p>			
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/ Year X-1	Năm/ Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/Capital size			
- Vốn điều lệ Charter Capital			
Tổng tài sản có/ Total assets			
Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results			
Doanh số huy động tiền gửi/Cash deposits			
Doanh số cho vay/ Lendings			
Doanh số thu nợ/ Debt collection			
Nợ quá hạn/Overdue debts			
Nợ khó đòi/ Bad debt			
Hệ số sử dụng vốn/Incremental Capital Output Ratio			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/Overdue debts/ Total debt Ratio			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/Bad debt/ Total debt Ratio			
3. Khả năng thanh toán/Solvency			
Khả năng thanh toán ngay/ Short term solvency			
Khả năng thanh toán chung/ General solvency			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan

trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection:*

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*
- c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/*(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the*

items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).

- Những tiền bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ Current debts, major changes of debts.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /*Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of*

the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results).*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).*

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance).*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và

kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).*

Nơi nhận:

Recipients:

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



**Phụ lục V
Appendix V**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-...

..., ngày... tháng...năm....

No: .../BC-...

..., month... day...year...

**BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(6 tháng/năm)
(6 months/year)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company:

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:

- Điện thoại/Telephone:

Fax:

Email:

- Vốn điều lệ/Charter capital:

- Mã chứng khoán/Stock symbol:

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc
/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/
General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện/
The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/
Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders

(including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semiannual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
	Ông/Bà			

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua qua Approval rate

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
	Ông/Bà Mr./Ms.				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
	Ông/ Bà Mr./Ms.			

46/09
HỢP TỶ
THÀNH
KINH DO
TẬP NH
TÁ ĐẤU
BÌNH
TR. HỒ C

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH *, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Addresses</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH *	Địa chỉ trụ sở chính/	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Ghi chú

	Name of organization/ individual	Relationship with the Company	ngày cấp, nơi cấp NSH No. * date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	transactions with the Company	ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Content, quantity, total value of transaction	Note

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Chức vụ tại CTNY Position at the listed Company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue	Địa chỉ Address	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries or companies which the Company control	Thời điểm giao dịch Time of transaction	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the Company and other objects

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been

founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	(Tên người nội bộ/ Name of internal person)							
	Tên người có liên quan của người nội bộ/ Name affiliated persons							
	...							

2							
---	--	--	--	--	--	--	--

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Nơi nhận:

Recipients:

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)*



Phụ lục VI
Appendix VI

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

TÊN TỔ CHỨC PHÁT
HÀNH
NAME OF THE ISSUER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

...., ngày ... tháng... năm....
...., day...month... year....

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày... đến ngày...)/Reporting period from... to....

T T No	Kỳ hạn Period	Ngày y phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
				Gốc Principa l	Lãi Interes t	Gốc Principa l	Lãi Interes t	Gốc Principa l	Lãi Interes t
1	1 năm/ one year								
2	2 năm/2 years								

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

Note: in case of default, State the reasons

II Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày ... đến ngày...) Reporting period from ...to....

Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i>	Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i>		Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i>		Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i>	
	Giá trị <i>Value</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị <i>Value</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị <i>Value</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors						
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>						
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>						
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors						
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>						
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá Nhân/ <i>Individual investors</i>						
Tổng/ Total						

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/*Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

Nơi nhận:

Recipients:

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ
CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU/ CONFIRMATION
BY THE LEGAL REPRESENTATIVE OF THE BOND
ISSUER**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)

2023
C
N K
QUAT
TICH Y
T
2023

**Phụ lục VII
Appendix VII**

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ
NĂM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS OR
INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND
CERTIFICATES**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/ FULL
NAME
-----**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness
-----**

Số: .../BC-....
No: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm...
..., month ... day ...year...

BÁO CÁO

**Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ
phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

**REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS,
INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND
CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng
khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of The public company/The fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư /*Name of individual/ organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact Address/ address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* Fax: Email: Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated persons/ organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/Full name of affiliated persons:
 - Quốc tịch/Nationality:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi Cấp/ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.
 - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ Current position at the public company/fund management company (if any):
 - Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/Relationship with individuals/ organisations:
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/ Ownership percentage of shares:
3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/Name & code of shares/fund certificates owned:
4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above: Tại công ty chứng khoán/At the securities company:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction:
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates:
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi/Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap):
8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund certificates:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:
10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction:

Nơi nhận:
Recipients:

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ORGANIZATION/INDIVIDUAL AUTHORIZED TO
REPORT AND DISCLOSE INFORMATION**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)
(Signature, full name and seal - if any)

**Phụ lục VIII
Appendix VIII**

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ TỪ
5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS
HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số:/BC-....
No:/BC-....

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day year

BÁO CÁO

**Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ
quỹ đóng**

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS
HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng
khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund
management company,

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/Information on individual/investor

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/Name of individual/orgamsation

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/Contact address/address of head office:

- Điện thoại: Fax: Email: Website:

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/Affiliated person of individual/organisation (currently holding the same types of shares/fund certificates):

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/Full name of affiliated individual/organisation:

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue*:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position in the public company/fund management company (if any)*:

- Mọi quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/organization*:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name of shares/fund certificates/ code of securities owned*:

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with shares at above-mentioned 3 point*: Tại công ty chứng khoán/*in the securities company*:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction*:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1 %)/ *Number of shares/fund certificates bought/sold/transferred/received the transfer/swaped (making the ownership percentage change over the threshold of one percent (1%)*:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held after the transaction*:

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number and ownership percentage of shares/close-ended fund certificates currently held by the affiliated person*:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held affiliated persons after the transaction*:

10. Lý do thay đổi sở hữu/*Reasons for ownership change*:

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/*Trading day changes the ownership percentage*:

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any)*:

Nơi nhận:

Recipients:

-;

- Lưu: VT, ...

- Archived:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal - if any)

**Phụ lục IX
Appendix IX**

**BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN
LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG
CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON OWNERSHIP OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS
SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED
FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....
No: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day year

BÁO CÁO

**Về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm
giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

**REPORT ON OWNERSHIP OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS
SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED
FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý các quỹ đóng.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the close - ended fund
management company.

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ
báo cáo sở hữu và công bố thông tin)/We are (information about the designated organisation
/individual authorized to perform obligations of ownership reporting and information disclosure)*

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân/ Name of individual/organisation	Số Giấy NSH* Owner's Certificate number *	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Address of Head office (Permanent address)/tel/fax/email
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/In case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address)		

a) Tên tổ chức/Name of organisation:		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Full name of legal representative /list of authorized individuals:		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc)/In case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, contact address)		

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.*

Note: Owner's Certificate: For an individual: Valid passport/other legal personal identification; For an organisations: License of establishment and operation/business registration certificate /equivalent legal document.*

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ The designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign investors:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of affiliated foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/ Trading code of the investor	Tên đại diện giao dịch (nếu Name of trading representative (if any)
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng /mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo/Name of shares/close-ended fund certificates/securities code owned as reporting object:

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/The trading day changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors to become or be no longer major shareholders/investors:

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/Details of the securities trading situation of members leading to the group of affiliated foreign investors becoming or being no longer major shareholders/investors

TT /No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Name of affiliated foreign investors conducting the transaction	Tài khoản giao dịch chứng khoán/ Securities trading account	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ Securities depository account No.	Trước giao dịch /Before trading		Sau giao dịch /After trading		Số lượng đã giao dịch (Mua/ bán) Number traded (Buy/ sell)
				Số lượng sở hữu/ Number	Tỷ lệ sở hữu/ Owners	Số lượng sở hữu/ Number	Tỷ lệ sở hữu/ Owner	

				<i>of ownership</i>	<i>shippercentage</i>	<i>of ownership</i>	<i>shippercentage</i>	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8> (6)-(4)
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Total group of affiliated foreign investors								

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/The report is made when the group member's transactions change the group's ownership percentage to become or to be no longer a major shareholder/investor;

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report details the ownership situation of all group members, including non-trading members

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities trading account

6. Ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/ Date of becoming or being no longer major shareholder/investor:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/We hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct.

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/ Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information

- Trường hợp là cá nhân/In case of an individual:

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền/ Full name, signature of authorized individual:

- Trường hợp là tổ chức/In case of an organisation:

Tên tổ chức được chỉ định/Name of designated organisation: _____

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) (Full name, signature of authorized representatives and seal - if any) _____

Chức danh/Title:

Ngày thực hiện/Reporting date



**Phụ lục X
Appendix X**

**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ
LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGE OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN
INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE
OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số:/BC-....

..., ngày... tháng...năm....

No:/BC-....

..., month ... day year

BÁO CÁO

**Thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu
tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng**

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGE OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN
INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF
SHARES/CLOSE ENDED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng Công ty quản lý các quỹ đóng.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the close - ended fund
management company.

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ
báo cáo sở hữu và công bố thông tin/We are: (information about the designated
organisation/individual authorized to perform obligations of ownership reporting and
information disclosure)*

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân/Nam of individual/organisation	Số Giấy NSH* /Owner's Certificate number	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Address of Head office (Permanent address) /tel/fax/email
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/In case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address		

a) Tên tổ chức/ <i>Name of organisation:</i>		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/ <i>Full name of legal representative /list of authorized representatives:</i>		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc)/ <i>In case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, permanent address):</i>		

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.*

Note: Owner's Certificate: For an individual: Valid passport/other legal personal identification; For an organisation: License of establishment and operation/business registration certificate/equivalent legal document.*

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/*The designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign Investors:*

<i>STT/No</i>	<i>Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of affiliated foreign investor</i>	<i>MSGD của nhà đầu tư/Trading code of the investor</i>	<i>Tên đại diện giao dịch (nếu có)/Name of trading representative (if any)</i>
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng/mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo/*Name of shares/close-ended fund certificates/securities code owned as reporting object:*

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/*The trading day changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the thresholds of one percent (1%):*

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên trong nhóm, dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/*Detailed information on the securities trading situation of the group members, leading to the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the threshold of one percent (1%)*

<i>TT /No</i>	<i>Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Name of affiliated</i>	<i>Tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities trading account</i>	<i>Tài khoản lưu ký chứng khoán/Securities depositor y account</i>	<i>Trước giao dịch/ Before trading</i>		<i>Sau giao dịch/ After trading</i>		<i>Số lượng đã giao dịch (Mua/bán) Number traded (Buy/sell)</i>
				<i>Số lượng sở hữu/ Number</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu/ hũu/</i>	<i>Số lượng sở hữu/ Number</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu/ hũu/</i>	

	<i>foreign investors conducting the transaction</i>			<i>of ownership</i>	<i>Ownership percentage</i>	<i>of ownership</i>	<i>Ownership percentage</i>	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (6)-(4)
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Total group of affiliated foreign investors								

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1 %); The report is made when group members' transactions lead to the group's ownership percentage exceeding thresholds of one percent (1 %)

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report details the ownership situation of all group members, including non-trading members

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities trading account

6. Ngày thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/Date of changing the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the thresholds of one percent (1%):

7. Các thay đổi quan trọng khác nếu có/Other significant changes (if any): Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/We hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct,

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information

- Trường hợp là cá nhân/in case of an individual:

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền:/Full name, signature of authorized individual:

- Trường hợp là tổ chức/In case of an organisation:

Tên Tổ chức được chỉ định/We of designated organisation: _____

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) /(Full name, signature of authorized representatives and seal - if any)

Chức danh/Title:

Ngày thực hiện/ Reporting date

1464
NG T
PHÁP
KINH
HẢI
VÀ Đ
Y Đ
TR.V

**Phụ lục XI
Appendix XI**

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
NOTICE OF TRANSACTIONS IN SHARES OF FOUNDING SHAREHOLDERS**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số:/BC-....
No:/BC-....

..., ngày... tháng... năm....
..., month ... day year

**THÔNG BÁO
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập
NOTICE OF TRANSACTIONS IN SHARES OF FOUNDING SHAREHOLDERS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the public securities investment company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng/ *Information on the founding shareholder performing the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi Cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện Telephone: Fax: Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/ *current position in the company (if any):*

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/ *Securities depository account:*

2. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán giao dịch/ *Name of shares/trading code of securities:*

3. Phương thức thực hiện giao dịch/*Method of transaction:*

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu của tổ chức/cá nhân thực hiện chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares held by the individual/organisation conducting the transfer before the transaction*

5. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch/ *Number of shares registered for trading:*

6. Tên tổ chức/Họ và tên cá nhân nhận chuyển nhượng/*Name of the individual/organisation as transferees (*)*:

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* Fax: Email:
..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/*Current position in the company (if any):*

- Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có)/*Relationship with transferor (if any):*

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/ *Securities depository account:*

- Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại công ty (nếu có)/*Current position of related person in the company (if any):*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu do người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares held by affiliated person:*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch
/Number, ownership percentage of share held by the transferee before the transaction:

8. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.../*Estimated trading time: from to ...:*

(*): Trường hợp người được chuyển nhượng không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện giao dịch phải gửi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho việc chuyển nhượng trên/*In case the transferee is not a founding shareholder, the trading executor shall have to submit the Resolution of the General Meeting of Shareholders approving the above-mentioned transfer.*

Nơi nhận:

Recipients:

-;

- Lưu: VT, ...

- Archived:..

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION
/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)

**Phụ lục XII
Appendix XII**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
REPORT ON TRADING RESULTS IN SHARES OF FOUNDING SHAREHOLDERS**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....

No: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day year

BÁO CÁO

Kết quả giao dịch của cổ đông sáng lập

REPORT ON TRADING RESULTS IN SHARES OF FOUNDING SHAREHOLDERS

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng /Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the public securities investment company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng/*Information on the founding shareholder performing the transfer:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ *Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/ *Telephone:* Fax: Email: Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có)/*Current position in the company (if any):*

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/*Securities depository account:*

2. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán giao dịch/*Name of shares/trading code of securities:*

3. Phương thức thực hiện giao dịch/ *Method of transaction:*

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu của tổ chức/cá nhân thực hiện chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number and ownership percentage of shares held by the individual/organisation conducting the transfer before the transaction*

5. Thông tin về tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng/*Information about organisation/Individual as transferee:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/telephone: Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu *concurrent position In the company (if any):*

- Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có)/*Relationship with transferor (if any):*

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán/*Securities depository account:*

6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares held by the transferee before the transaction:*

7. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch/*Number of shares registered for trading:*

8. Số lượng cổ phiếu thực hiện giao dịch/*Number of trading shares:*

9. Số lượng cổ phiếu bên chuyển nhượng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number of shares held by the transferor after the transaction:*

10. Số lượng cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch /*Number of shares held by the transferee after the transaction:*

11. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày..../*Trading time: from to...*

12. Lý do không hoàn tất giao dịch/*The reason for not completing the transaction:*

Nơi nhận:

Recipients:

- ...;

- Lưu: VT, ...

- Archived:...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)

**Phụ lục XIII
Appendix XIII**

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số:/BC-....

..., ngày... tháng...năm....

No:/BC-....

..., month ... day year

THÔNG BÁO

Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/ *Telephone:* Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*

- Quốc Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/Telephone: Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Underlying securities code (for covered warrants):*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3 / *Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above:* tại công ty chứng khoán/ *In the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:*

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nếu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */ *Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants *;*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/ *Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:*

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/*The expected value of transaction (which calculated based on par value).*

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants):*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction:*

9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction:*

10. Phương thức giao dịch/*Method of transaction:*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time: từ ngày/from.... đến ngày/ to*

* *Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice:*

Nơi nhận:

Recipients:

- ...;

- Lưu: VT,..

- Archived:.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)



**Phụ lục XIV
Appendix XIV**

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI
NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
*NOTICE OF TRANSACTION IN INCONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY
SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND
AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm....

No: .../BC-....

..., month ... day year

THÔNG BÁO

**Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu
chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

***NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY
SHARES/FUND CERTIFICATES, CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON
AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng
khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund
management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation
conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi
cấp /*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration
Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of
issue, place of issue*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* Fax:..... Email: Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ /*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information of Internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of Internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of Internal person:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax; Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organization executing the transaction with the Internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3 / *Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above:.....* tại công ty chứng khoán/*In the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction of executing rights of purchase or convert bonds into shares:*

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights or convertible bonds owned:*

- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi)/*Number of convertible bonds owned (in case of exercising trading of convertible bonds or rights to buy convertible bonds):*

- Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights to purchase shares/fund certificates/convertible bonds owned currently:*

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/*Proportion of executing rights to purchase (in case of trading the purchase right) or proportion of converting bonds into shares (in case of convertible bond trading):*

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to purchase (in case of trading*

purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch/ *Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered for trading:*

9. Giá trị chuyển nhượng dự kiến / *Expected transferred value:*

10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number of shares/fund certificates/ convertible bonds expected to hold after exercising the right to purchase or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:*

11. Phương thức giao dịch/*Method of transaction:*

12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time:* từ ngày/*from....* đến ngày/*to....*

Nơi nhận:

Recipients:

-;

- Lưu: VT, ...

- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

REPORTING

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)

**Phụ lục XV
Appendix XV**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ
BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED
PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....

No: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm....

..., month ... day year

BÁO CÁO

**Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và
người có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED
PERSONS OF INTERNAL PERSON**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng
khoán.
- To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund
management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao (*Information on individual/organisation
conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi
cấp/*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration
Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of
issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* Fax: Email: Website:



- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có/*position at the public company, the fund management company on the registration date (if any):* và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: (nêu rõ lý do)/*and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason):*

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*This item is only for cases in which the person subject to registration, after the trading registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information on the internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation conducting transaction (in case the person who conduct transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction:*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (in case of covered warrants):*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants as mentioned at item 3:* tại công ty chứng khoán/*In securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:*

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered warrants):*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng /*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented /donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:*

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be present/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap).*

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/*Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inher it/transfer/be transferred/swap):*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants traded:*

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/*the value of executed transaction (calculated based on par value):*

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ *Value of covered warrants traded (at the latest issuing price):*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction:*

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person:*

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */*Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants *:*

11. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction:*

12. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time: từ ngày/from..... đến ngày/to.....*

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed):*

*: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results:

Nơi nhận:

Recipients:

-;

- Lưu: VT, ...

- Archived:...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)

**Phụ lục XVI
Appendix XVI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS; RIGHTS TO
BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON
AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số:BC-....

..., ngày... tháng...năm....

No:BC-....

..., month ... day year ...

BÁO CÁO

**Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu
chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO
BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON
AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng
khoán.
- To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund
management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation
conducting the transaction:*

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi
cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration
Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of
issue, place of Issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*

- Điện thoại/*Telephone:**Fax:*.....*Email:*.....*Website:*.....



- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/*Position in the public company, the public fund management company on the date of trading registration (if any):* và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: (nếu rõ lý do) */*and on the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company (specify the reason) *:*

(*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng/*This item is only for cases when the deadline of the trading registration is unexpired, the person subject to registration is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund).*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*information on internal person of the public company/ public fund is the affiliated person of the individual/organisation executing the transaction (in case the trader is an affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:*

Fax:

Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company, the fund management company on the date when individual/organisation mentioned in item 1 registers the transaction:...*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3:.....* tại công ty chứng khoán/*in the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi /*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the trading of convertible bonds, rights to buy shares/fund certificates, rights to buy convertible bonds:*

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi/*Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds)*):
7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch/*Number of rights to buy shares/fund certificates/ convertible bonds before the transaction*:
8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Percentage of executing the rights to purchase or convert bonds into shares*:
9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:
- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred)*:
 - Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện/*Number of registered rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds*):
10. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of traded rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds) to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred*:
- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred)*:
 - Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện/*Number of executed rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds*):
11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/*The value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price)*:
12. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number of shares/fund certificates convertible bonds expected to hold after exercising the right to buy or number of shares expected to hold after converting bonds into shares*:
13. Phương thức giao dịch/*Method of transaction*:
14. Thời gian thực hiện giao dịch/*Trading time*: từ ngày/from đến ngày/to.....
15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed)*:

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền/*In case of reporting the result of right transfer, documents certifying the value of right transfer shall have to be attached.*

Nơi nhận:

Recipients:

- ...;

- Lưu: VT,

- Archived: ...

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY

QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

REPORTING ORGANISATION

/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO

DISCLOSE INFORMATION

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO
BÁN/PHÁT HÀNH**

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành số.../UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .../.../20... hoặc Công văn số ... ngày .../.../20... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ...)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax: Website:
4. Vốn điều lệ: đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu
ngày ..., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nếu thông tin thay đổi lần gần nhất).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mã ngành:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):

II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

1. Tên chứng khoán:
2. Loại chứng khoán:
3. Mệnh giá:
4. Số lượng chứng khoán đã phát hành:
5. Tổng vốn/số tiền đã huy động: đồng, trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án:.....đồng.
6. Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành:

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

1. Tiến độ dự án theo kế hoạch đã công bố:
2. Tiến độ dự án hiện tại:
3. Những thay đổi (nếu có):

4. Lý do thay đổi (nếu có):

5. Báo cáo tiến độ được công bố thông tin tại:từ ngày tháng năm 20.....

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DANH MỤC PHỤ LỤC, MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

Số phụ lục, mẫu biểu <i>Ref No.</i>	Tên phụ lục, mẫu biểu <i>Name of form</i>
Phụ lục I <i>Appendix I</i>	Thông báo thay đổi nhân sự <i>Change in personnel</i>
Phụ lục II <i>Appendix II</i>	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ <i>Change in related persons of insiders</i>
Phụ lục III <i>Appendix III</i>	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động <i>Change in certificate of business registration/License of establishment and operation/License of operation</i>
Phụ lục IV <i>Appendix IV</i>	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính <i>Announcement of (change in) corporate structure and financial statements</i>
Phụ lục V <i>Appendix V</i>	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>Change in number of shares with voting rights</i>
Phụ lục VI <i>Appendix VI</i>	Công bố thông tin bất thường <i>Extraordinary information disclosure</i>
Phụ lục VII <i>Appendix VII</i>	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn <i>Announcement of termination of information disclosure as a large-cap public company</i>

ST
ĐN
J F
T H
NH
U V
V
TF

Phụ lục I
Appendix I

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL**

(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số... ngày ... và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số... ngày ..., của Công ty... (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty... (tên tổ chức) như sau:
Based on Board Resolution No. ... dated... and/or General Mandate No. ... dated ... of ... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ... (name of organization) as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (*):

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization:
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position:
- Thời hạn bổ nhiệm/Term:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position:
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày.../.../... tại đường dẫn.../This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link...

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;
Board Resolution and/or General Mandate on the change in personnel.
- Danh sách người có liên quan (Phụ lục II - Danh sách người nội bộ và những người có liên quan)
List of related persons (Appendix II - List of insiders and their related persons).

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

Phụ lục II
Appendix II

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Người nội bộ/Insider

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ hiện tại/Current position:

2. Người có liên quan/Related person:

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Địa chỉ liên lạc/Address:
- Điện thoại/Tel.:
- E-mail:
- Số ID, ngày cấp/ ID number, Date of issue:
- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ/Relationship/Former relationship with insider:
- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related:
- Số lượng cổ phiếu của cá nhân/đại diện sở hữu/ Shareholding (shares):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ

Phụ lục III
Appendix III

THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Ho Chi Minh Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số ... ngày .../.../..., do (cơ quan)... cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:
Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation / License of Operation No. ... dated .../.../... issued by ..., we would like to announce the change in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of Operation as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:
2. Thông tin sau khi thay đổi/Information after change:
3. Lý do thay đổi (nếu có)/Reason for change (if any):
4. Ngày có hiệu lực/Effective date:
5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động/Receipt date of new certificate of business registration/license of establishment and operation/license of operation:
6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../..., tại đường dẫn .../This information was published on the company's website on .../.../..., (date), as in the link ...

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Giấy phép hoạt động mới
New Certificate/License

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Phụ lục IV
Appendix IV

THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ANNOUNCEMENT OF REGISTRATION (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE AND FINANCIAL STATEMENTS

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ANNOUNCEMENT OF REGISTRATION (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE AND FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Ho Chi Minh Stock Exchange

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty ... (tên tổ chức) xin thông báo về việc đăng ký (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

Based on point a, clause 1 Article 10 of Circular No.96/2020/TT-BTC, we would like to make the announcement of registration (change in) corporate structure and financial statements as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel: Fax:
- E-mail:
- Website:

I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/Initial disclosed information/Information before change:

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on applicable option only):

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/Having no affiliates or sub-units
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units
- Có công ty con/Having affiliates
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/Having affiliates and sub-units

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):

- BCTC riêng của công ty/Uncombined/Unconsolidated Financial statements
- BCTC tổng hợp/Combined financial statements
- BCTC hợp nhất/Consolidated financial statements

II. Thông tin sau khi thay đổi (chỉ áp dụng khi thay đổi mô hình và loại BCTC)/ Information after change (Applicable to change of corporate structure and financial statements only)

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on applicable option only):

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc /Having no affiliates or sub-units
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units
- Có công ty con/Having affiliates
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/Having affiliates and sub-units

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):

- BCTC riêng của công ty/Uncombined/Unconsolidated financial statements
- BCTC tổng hợp/Combined financial statements
- BCTC hợp nhất/Consolidated financial statements

3. Lý do thay đổi/Reason for change:

SỐ: .../...
XU
DỊCH

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin đã đăng ký.

Documents on the changes in the registered information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

Phụ lục V
Appendix V

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
CHANGE IN NUMBER OF SHARES WITH VOTING RIGHTS

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
CHANGE IN NUMBER OF SHARES WITH VOTING RIGHTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

STT No.	Nội dung Contents	Trước khi thay đổi Before change	Thay đổi Change	Sau khi thay đổi After change	Lý do thay đổi Reason for change
1	Vốn điều lệ (VND) Charter capital (VND)				
2	Tổng số cổ phiếu Total number of shares				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ Number of treasury shares				
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết Number of shares with voting rights				
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) Others (if any)				

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi/các tài liệu khác có liên quan
- Securities Registration Certificate on the change/Other related documents

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information;
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

30
CỘ
CỘ
QUY
T N
VỤ
TÂN
/44

Phụ lục VI
Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization:

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:

- Địa chỉ/Address:

- Điện thoại liên hệ/Tel.:

Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../..... tại đường dẫn .../This information was published on the company's website on .../.../..... (date), as in the link

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/ Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

464
UG T
HAI
KINH
SAP
A B
BIN
P. H

Phụ lục VII
Appendix VII

THÔNG BÁO VỀ VIỆC KẾT THÚC NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN

ANNOUNCEMENT OF TERMINATION OF INFORMATION DISCLOSURE AS A LARGE-CAP PUBLIC COMPANY

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO VỀ VIỆC KẾT THÚC NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN
ANNOUNCEMENT OF TERMINATION OF INFORMATION DISCLOSURE AS A LARGE-CAP PUBLIC COMPANY

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Thông tin về tổ chức/Organization particulars:

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Stock code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

2. Ngày trở thành tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

Date of becoming a large-cap public company: From .../.../...

3. Ngày không còn là tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

Date of no longer being a large-cap public company: From .../.../...

4. Ngày kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày .../.../...

Termination date of information disclosure as a large-cap public company: From .../.../...

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

904
DANG
HUU
TU
CHINH

DANH MỤC MẪU BIỂU, PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

Mẫu, Phụ lục	Tên
Phụ lục/SGDHCM-01	Hướng dẫn công bố thông tin bằng tiếng Anh trên website SGDCK
CBTT/SGDHCM-01	Đăng ký thông tin liên hệ của tổ chức
CBTT/SGDHCM-02	Công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước và SGDCK TP.HCM
CBTT/SGDHCM-03	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty
CBTT/SGDHCM-04	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ
CBTT/SGDHCM-05	Danh sách người nội bộ và những người có liên quan
CBTT/SGDHCM-09	Tóm tắt số cổ đông của công ty tại ngày _ để _



Phụ lục/SGDHCM-01
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGĐCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGĐCK TPHCM)

HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN BẰNG TIẾNG ANH TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

I. Đối tượng áp dụng

Đối tượng công bố thông tin bằng tiếng Anh trên cổng thông tin điện tử của Sở GDCK TP.HCM (SGĐCK) là các tổ chức theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Quy chế công bố thông tin tại SGĐCK TP.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGĐCK TP.HCM và có đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh theo mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

II. Nguyên tắc áp dụng

Các Tổ chức đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh qua cổng thông tin điện tử của SGĐCK theo tinh thần tự nguyện và có cam kết thực hiện. Nội dung và thời hạn thực hiện được cụ thể hóa tại Bản đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh trên thông tin điện tử của SGĐCK. Việc công bố thông tin phải đảm bảo:

1. Không trái với tinh thần tại Điều 3 Thông tư 155/2015/TT-BTC;
2. Không trái nghĩa hoặc có thể bị hiểu sai nghĩa so với bản công bố thông tin bằng tiếng Việt;
3. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổ chức công bố thông tin;
4. Đúng thời hạn đã đăng ký công bố trên trang thông tin điện tử của Tổ chức công bố thông tin, trong đó **đồng thời** được hiểu là cùng lúc với bản công bố thông tin bằng tiếng Việt.

III. Nội dung công bố thông tin

Các tổ chức nêu tại phần I đăng ký các nội dung để công bố trên cổng thông tin điện tử của SGĐCK cùng với thời hạn công bố của từng loại, cụ thể như sau:

1. **Công bố thông tin định kỳ** bao gồm các Báo cáo tài chính quý; Báo cáo tài chính bán niên được soát xét; Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên và cả năm; và Báo cáo thường niên của công ty.

2. **Công bố thông tin bất thường** bao gồm các sự kiện quy định Điều 9 và Điều 12 Thông tư 155/2015/TT-BTC, nguyên nhân và phương án khắc phục (nếu có).

3. **Công bố thông tin theo yêu cầu** trong trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, tình hình sản xuất kinh doanh mà SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

IV. Trách nhiệm của Tổ chức đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh

Các tổ chức nêu tại phần I, bằng Bản đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh trên cổng thông tin điện tử SGDCK, phải có trách nhiệm thực hiện:

1. Công bố thông tin đầy đủ và đúng thời hạn các nội dung đã đăng ký qua bảng hình thức đã đăng ký với SGDCK;

2. Giải trình theo yêu cầu của SGDCK trong trường hợp không công bố, công bố sai, công bố không đúng thời hạn các nội dung đã đăng ký.

V. Trách nhiệm của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. SGDCK công bố trên cổng thông tin điện tử của mình các tài liệu sau:

a. Bản đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh của Tổ chức đăng ký trên cổng thông tin điện tử của mình.

b. Các công bố thông tin do tổ chức đã đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh trên cổng thông tin điện tử SGDCK gửi đến.

c. Thông báo hủy công bố thông tin bằng tiếng Anh của Tổ chức đăng ký.

2. Giám sát việc thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Anh của các tổ chức cam kết công bố thông tin bằng tiếng Anh.

VI. Hình thức xử lý đối với Tổ chức không thực hiện đúng cam kết

SGDCK nhắc nhở bằng văn bản đối với tổ chức cam kết về việc thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng với cam kết.

TÊN TỔ CHỨC ORGANIZATION NAME	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness
Số/No.: /	____, ngày tháng năm ____, day month year

BẢN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ THÔNG TIN BẰNG TIẾNG ANH TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ SGDCK TP.HCM	REGISTRATION ENGLISH - DISCLOSURE OF INFORMATION ON HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL
--	--

Kính gửi/ To:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ <i>Hochiminh Stock Exchange</i>
---------------	--

I. Thông tin về tổ chức đăng ký/ Information of registering organization

- Tên tổ chức/ *Organization name:*
- Mã chứng khoán (nếu có) / *Securities symbol (if any):*
- Ngân hàng giám sát (nếu có)/ *Supervisory bank (if any):*
- Địa chỉ liên lạc/ *Address:*
- Điện thoại/ *Telephone:* Fax:
- Email: _____ (*dùng để gửi và nhận thông tin từ SGDCK / for receiving and sending information from and to Hochiminh Stock Exchange*).
- Website:

II. Nội dung và thời hạn/ Contents and timing:

[*Tên tổ chức*] đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh trên Cổng thông tin điện tử Sở GDCK TP.HCM với các nội dung như sau (đánh dấu X vào ô phù hợp)/

[*Organization name*] registers to disclose information by English language on Hochiminh Stock Exchange's portal with the details as below:

TT	Loại công bố thông tin	Thời hạn đăng ký	
<i>Order</i>	<i>Type of disclosure</i>	<i>Timing</i>	
I. CBTT Định kỳ		Đồng thời	Trong vòng 30 ngày

<i>Periodic disclosure</i>		<i>Simultaneously</i>	<i>Within 30 days</i>
1	Báo cáo tài chính quý <i>Quarter financial report</i>		
2	Báo cáo tài chính bán niên được soát xét <i>Reviewed semi-annual financial report</i>		
3	Báo cáo tài chính năm được kiểm toán <i>Audited annual financial report</i>		
4	Báo cáo tình hình quản trị công ty <i>Corporate Governance report</i>		
6	Báo cáo thường niên <i>Annual report</i>		
Loại công bố thông tin <i>Type of disclosure</i>		Thời hạn đăng ký <i>Timing</i>	
II. CBTT bất thường 24 giờ <i>Irregular disclosure</i>		Đồng thời <i>Simultaneously</i>	Trong vòng 3 ngày <i>Within 3 days</i>
7	Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT/ TGD <i>Resolution/ Decision of General Meeting/ BOD/ BOM</i>		
8	Các sự kiện doanh nghiệp <i>Corporate action(s)</i>		
9	Thông tin tổ chức ĐHĐCĐ <i>General Meeting's information</i>		
CBTT theo yêu cầu <i>Disclosure on demand</i>		Đồng thời <i>Simultaneously</i>	Trong vòng 2 ngày <i>Within 2 days</i>
10	Sở GDCK TP.HCM/ UBCKNN yêu cầu <i>On demand of Hochiminh Stock Exchange</i>		

III. Cam kết của tổ chức đăng ký/ *Declaration*

Ngoài việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo pháp luật hiện hành, [*Tên tổ chức*] cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin đúng các với các nội dung trong **Bản đăng ký công bố thông tin bằng tiếng Anh trên cổng thông tin điện tử Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh** này/

Apart from complying with rules on information disclosure as stipulated by law, we, [organisation name] hereby commit to fulfill our obligations listed in this Registration Form. J.

	<p>Đại diện tổ chức <i>Organization representative</i> Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT <i>Legal representative/Party authorized to disclose information</i> (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) <i>(Signature, full name, position, and seal)</i></p>
--	--

Mẫu CBTT/SGDHCM-01

Appendix CBTT/SGDHCM-01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

TÊN TỔ CHỨC ORGANIZATION NAME	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness
Số/No.: /	____, ngày tháng năm ____, day month year

ĐĂNG KÝ THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA TỔ CHỨC	REGISTRATION OF CONTACT INFORMATION OF ORGANIZATION
--	--

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/ Organization name:
- Mã chứng khoán/ Securities symbol:
- Ngân hàng giám sát (nếu có)/ Supervisory Bank (if any):
- Danh sách người đại diện theo pháp luật/ List of company legal representatives:
 - 1.
 - 2.

(Trong đó nêu rõ người đại diện theo pháp luật chuyên trách về công bố thông tin của Tổ chức)
- Địa chỉ liên lạc/ Address:
- Điện thoại/ Telephone: Fax:
- Email: _____ (dùng để gửi và nhận thông tin từ SGDC/ for receiving and sending information from and to Hochiminh Stock Exchange):
- Website:
- Thông tin thay đổi nếu có/ Information change:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ Effective date of the event:

<p>Tài liệu đính kèm/ Attachment:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin/ Documents related to the change 	<p>Đại diện tổ chức Organization representative Người đại diện theo pháp luật/ Người UQ CBTT Legal representative/ Party authorized to disclose information (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) (Signature, full name, position, and seal)</p>
---	---

Mẫu CBTT/SGDHCM-02
Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

TÊN TỔ CHỨC ORGANIZATION NAME	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness
Số/No.: /	_____, ngày tháng năm _____, day month year

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM	DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL
--	--

Kính gửi/ To:	- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ <i>The State Securities Commission</i> - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ <i>Hochiminh Stock Exchange</i>
---------------	---

- Tên tổ chức / *Organization name*:
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*:
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*:
- Điện thoại/ *Telephone*:
- Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*:
- Chức vụ/ *Position*:

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 4h theo yêu cầu
Information disclosure type: periodic regular 4 hours on demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

.....
.....

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày
.../.../..... tại đường dẫn : <http://>

This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date .../.../..... Available at: <http://>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

<p><i>Tài liệu đính kèm/ Attachment: - Tài liệu liên quan đến việc CBTT / Documents related to the disclosure</i></p>	<p style="text-align: center;">Đại diện tổ chức Organization representative Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT <i>Legal representative/Party authorized to disclose information</i> (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) <i>(Signature, full name, position, and seal)</i></p>
---	---

Mẫu CBTT/SGDHCM-03
Appendix CBTT/SGDHCM-03

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

TÊN TỔ CHỨC ORGANIZATION NAME	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</i> THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i>
Số/No.: /	____, ngày tháng năm ____, day month year



BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY Kỳ báo cáo: 6 tháng/năm	INFORMATION ON CORPORATE GOVERNANCE REPORTING PERIOD: SEMIANNUAL /ANNUAL
--	---

ST T		Câu hỏi	Phản trả lời
No.		Question	Answer
1	Thông tin chung General Information	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	
2		Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%) <i>Shareholding proportion of State shareholder (%)</i>	
3		Mô hình công ty (1 hoặc 2)/ <i>Company's model (1 OR 2)</i> <ul style="list-style-type: none"> 1: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 <i>According to Point a Item 1, Article 134, Law on Enterprise 2014.</i> 2: Theo Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 <i>According to Point b Item 1, Article 134, Law on Enterprise 2014</i> 	
4		Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty? <i>Number of legal representatives?</i>	
5		Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 (Có/Không) <i>Company Charter built in accordance of Law on Enterprise 2014 (Yes/No)?</i>	
6	Đại hội đồng Cổ Đông	Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/ Bất thường	



	- The General Meeting of Shareholders	<i>Date of Annual/Extraordinary General Meeting of Shareholders (if any)</i>	
7		Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo <i>Publish date of materials for General Meeting of Shareholders</i>	
8		Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông <i>Release date of The Resolution and Minute of General Meeting of Shareholders</i>	
9		Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành công ở lần thứ mấy (1/2/3) <i>General Meeting of Shareholders was successfully at 1st, 2nd or 3rd</i>	
10		Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không) <i>Is there any complaint, litigation related to General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>	
11		Số lần bị Sở giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông <i>No. of Warning by the Stock Exchange related to General Meeting of Shareholder</i>	
12		Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông <i>No. of Caution by the State Securities Commission related to General Meeting of Shareholders</i>	
13	Hội đồng quản trị - Board of Directors	Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị <i>Number of BOD members</i>	
14		Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập <i>Number of independent BOD members</i>	
15		Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc (Có/Không) <i>Does Chair of the BOD concurrently hold the Chief Executive Officer / General Director position?</i>	
16		Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị <i>Number of BOD meetings</i>	
17		Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Có/Không) <i>Does the company establish sub-boards under the BOD?</i>	
18		Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/ <i>Name of sub-boards directly under the BOD?</i>	
		Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự (Có/Không)	

19		<i>Is any independent Director in charge of wage, reward or personnel policy?</i>	
20	Ban kiểm soát <i>Supervisory Board</i>	Trưởng BKS có làm việc chuyên trách tại công ty không?	
		<i>Is the Head of Supervisory Board full-time contracted at the company?</i>	
21		Số lượng TV Ban Kiểm soát	
		<i>No. of member of Supervisory Board</i>	
22		Trong đó có bao nhiêu kiểm soát viên là kế toán viên/kiểm toán viên	
		<i>Number of Supervisory Board's members is certified accountants/auditors</i>	
23		Số lượng kiểm soát viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác (liệt kê tên của kiểm soát viên là người liên quan, nếu có)	
		<i>Number of Supervisory Board's Members is the related person of BOD members, CEO/General Director and other managers (detailed list)</i>	
		Số lượng kiểm soát viên nắm giữ chức vụ quản lý (liệt kê danh sách và chức vụ, nếu có)	
24		<i>Number of Supervisory Board's Member holding managing position? (detailed list, if any)</i>	
		Số lượng kiểm soát viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 6 tháng trước khi được bầu vào BKS (Có/Không)	
25		<i>Number of Supervisory Board's Member worked in the financial and accounting department or as the auditor for the company in the previous 6 months?</i>	
		Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát	
26		<i>Number of meetings of Supervisory Board</i>	
	Công ty có Ban kiểm toán nội bộ không (Có/Không)		
27	<i>Does company have Internal audit committee (Yes/No)</i>		
	Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc bộ phận nào? (HDQT/BGD/BKS/Khác)		
28	<i>To whom Internal Audit Committee reporting? (BoD/BoM/Supervisor Board/Others)</i>		
	Số lượng thành viên Ban kiểm toán nội bộ		

1301
CÓ
CÓ
QUYẾT
ĐỊNH
HÀNH
TÀI
CHÍNH

29		<i>Number of members of Internal Audit Committee</i>	
		Số lượng cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ	
		<i>Number of meetings of Internal Audit Committee</i>	
30	Vấn đề khác <i>Other issues</i>	Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)	
		<i>Does the company's website provide sufficient information to shareholders as stipulated? (Yes/No)</i>	
		Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)	
31		<i>Dividend is paid within 6 months after the Annual General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>	
		Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không)	
32		<i>Does the Stock Exchange or the State Securities Commission warn the company on illegally transactions with related parties? (Yes/No)</i>	

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange on Disclosure of Information Regulation on
Hochiminh Stock Exchange)

TÊN TỔ CHỨC ORGANIZATION NAME	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness
SốNo.: /	____, ngày tháng năm ____, day month year

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ
LIST OF STATE SHAREHOLDERS, STRAGIC SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS AND TREASURY STOCKS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

Mã chứng khoán Securities symbol	STT NO.	Đối tượng Subject	Phân loại cổ đông Shareholder by type			Số CMND/ số đăng ký sở hữu lưu ký ID number, Registration number at VSD	Ngày cấp, nơi cấp Issue date, place	Số lượng CP nắm giữ No. of share owning	Số lượng CP đã được lưu ký No. of share deposited at VSD	Ngày chốt danh sách sở hữu Registration date	Ghi chú Note
			Cổ đông nhà nước State shareholder	Cổ đông chiến lược Strategic shareholder	Cổ đông lớn Major shareholder						
I. Cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn/ State shareholder, Strategic shareholder, Major shareholder											
		Tên cá nhân/ tổ chức (tên người đại diện)/ Name of person/ organization									
II. Cổ phiếu quỹ /Treasury stocks											

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

Mẫu CBTT/SGDHCN-05

Appendix CBTT/SGDHCN-05

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCN ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCN on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

TÊN TỔ CHỨC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ORGANIZATION NAME	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness
Số/No.: /	____, ngày tháng năm ____, day month year

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR RELATED PERSONS

	Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM To: Hochiminh Stock Exchange
--	---

I. Danh sách Người nội bộ/

List of Internal persons:

S T T	Tên cá nhân/ tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ	Địa chỉ	Loại hình ID (CMND/Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CP cá nhân sở hữu	SL CP đại diện sở hữu (nếu có)	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Điện thoại và Fax	Quốc tịch	Ghi chú
N O.	Name of person/ organization	Trading account (if any)	Position	Address	Type of ID (ID/ Passport/ Business Registration)	ID number	Date of issue	Place of issue	Number of shares holding	Number of shares authorized (if any)	Appointin g date	Dismissal date	Tel/ Fax	Nationality	Not e

Ghi chú/ Note:

1. Người nội bộ được hiểu theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.
Internal person is interpreted as in Clause 2 Circular 155/2015/TT-BTC
2. Nếu Người nội bộ là người đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát của công ty, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn đó.
If Internal persons are those who represent for the institution investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, Internal Audit Unit, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person.
3. Đối với công ty chứng khoán thành viên, chỉ cung cấp thông tin của Người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của Người được ủy quyền công bố thông tin.

Members shall only provide information of Authorized person to disclose information and related persons.

II. Danh sách những người có liên quan của người nội bộ

List of Related persons:

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/ Mối quan hệ	Địa chỉ	Loại hình ID (CMND/Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN)	Số ID	Ngày cấp	Nơi cấp	SL CP cá nhân sở hữu	SL CP đại diện sở hữu (nếu có)	Điện thoại/ Fax	Quốc tịch	Ghi chú
NO.	Name of person/ organization	Trading account (if any)	Position/ Relationship	Address	Type of ID (ID/ Passport/ Business Registration)	ID number	Date of issue	Place of issue	Number of shares holding	Number of shares authorized (if any)	Tel/ Fax	Nationality	Note

Ghi chú/ Note:

Người có liên quan của người nội bộ được định nghĩa tại Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
The related person of internal person is interpreted as at Point 34 Clause 6 Securities Law 70/2006/QH11.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

Mẫu CBTT/SGDHCM-09

Appendix CBTT/SGDHCM-09

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

TÊN TỔ CHỨC ORGANIZATION NAME	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness
Số/No.: /	_____, ngày tháng năm _____, day month year

TÓM TẮT SỐ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY _ ĐỀ _
SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE _ FOR THE PURPOSE OF _

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE:

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis

STT	NO.	Đối tượng Subject	Số lượng cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
						Tổ chức Institution	Cá nhân Individual
1		Cổ đông Nhà nước/The State as shareholder					
2		Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder - Trong nước/ Domestic - Nước ngoài/ Foreign					
3		Cổ đông lớn/ Major Shareholders - Trong nước/Domestic - Nước ngoài/Foreign					
4		Công đoàn Công ty/ Labor Union - Trong nước/Domestic - Nước ngoài/Foreign					
5		Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares					
6		Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Preferred stocks					
7		Cổ đông khác/ Other shareholders - Trong nước/ Domestic - Nước ngoài/Foreign					
		TỔNG CỘNG/ TOTAL					
		<i>Trong đó: - Trong nước/Domestic - Nước ngoài/Foreign</i>					

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NDTKCN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

STT	NO.	Đối tượng Subject	Số lượng cổ phiếu Number of Share	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)	Số lượng cổ đông Number of Shareholders	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
						Tổ chức Institution	Cá nhân Individual
1		Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NDTCKN/ Major Shareholders (excluding)					

STT	ĐỐI TƯỢNG	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of Share	Proportional ownership (%)	Number of Shareholders	Institution	Individual
	<i>Professional investors)</i> - Trong nước/ Domestic - Nước ngoài/ Foreign					
2	NĐTCKN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/ <i>Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital</i> - Trong nước/ Domestic - Nước ngoài/ Foreign					
3	NĐTCKN là cổ đông sở hữu < 5% VDL <i>Professional investors which hold share in an amount under 5 % of the paid-up capital</i> - Trong nước/ Domestic - Nước ngoài/ Foreign					
TỔNG CỘNG/ Total						

Ghi chú/ Note:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Khoản 11 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
- *Professional investor term is defined in Clause 11 Article 6 Security Law No 70/2006/QH11*
- Cổ đông lớn là cổ đông nắm giữ cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ hoặc hơn
- *Major shareholders are those holding > 5% of paid-up capital of a company.*
- (*) nếu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình
- (*) *Count the number of institution, individual.*

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

a/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập

Shareholding structure after a merger or an additional issuance

Đối tượng <i>Subject</i>	Số lượng CP trước phát hành/ sáp nhập <i>Number of Shares before the additional issuance/merger</i>		Số lượng CP phát hành/ hoán đổi để sáp nhập <i>Number of Share issuance /issued for the merger</i>		Số lượng CP sau phát hành thêm/ sáp nhập <i>Number of Shares after the additional issuance /Merger</i>			
	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
	<i>Transfer restriction</i>	<i>Free transfer</i>	<i>Transfer restriction</i>	<i>Free transfer</i>	<i>Transfer restriction</i>	<i>Free transfer</i>	<i>Total</i>	<i>Proportional ownership (%)</i>
I. Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>								
II. Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury Shares</i>								
III. Công đoàn Công ty/ <i>Labor Union/Union</i>								
IV. Cổ phiếu ưu đãi (nếu có) <i>Preferred stock</i>								
V. Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>								
1. Trong nước/ Domestic								
1.1 Cá nhân/ Individual								
1.2 Tổ chức/ Institutional								
- Trong đó Nhà nước/ State-shareholder owning:								
2. Nước ngoài/ Foreign								
2.1 Cá nhân/ Individual								
2.2 Tổ chức/ Institutional								
TỔNG CỘNG/ TOTAL								

b/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu

For use of additional listing application (Shareholding structure after the conversion of bond)

Đối tượng Subject	SL trái phiếu chuyển đổi số hữu	SL trái phiếu được chuyển đổi	Số lượng cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu (cổ phiếu) Number of shares issued for the converted bond			Tỷ lệ SH CP mới trên tổng số CP được chuyển đổi (%) Proportional ownership (%) over Total shares issued for the conversion
	Total convertible Bonds	Number of bonds converted to shares	Hạn chế chuyển nhượng Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do Free transfer	Tổng cộng Total	
I. Người nội bộ/Internal persons						
II. Cổ phiếu quỹ/ Treasury stocks						
III. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Shareholders own preferred stocks						
IV. Cổ đông khác/ Other shareholders						
I. Trong nước/ Domestic						
1.1 Cá nhân/ Individual						
1.2 Tổ chức/ Institutional						
- Trong đó Nhà nước/State Shareholders:						
2. Nước ngoài/ Foreign						
2.1 Cá nhân/ Individual						
2.2 Tổ chức/ Institutional						
TỔNG CỘNG/TOTAL						

c/ Các trường hợp khác/ Other cases:

Đối tượng <i>Subject</i>	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng <i>Number of transfer restriction shares</i>	Số lượng CP chuyển nhượng tự do <i>Number of free transfer shares</i>	Tổng cộng <i>Total</i>	Tỷ lệ sở hữu (%) <i>Proportional ownership (%)</i>
I. Người nội bộ/ <i>Internal persons</i>				
II. Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury stocks</i>				
III. Công đoàn Công ty/ <i>Labor Union</i>				
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ <i>Shareholders own preferred stocks (if any)</i>				
V. Cổ đông khác/ <i>Other Shareholders</i>				
I. Trong nước/ <i>Domestic</i>				
1.1 Cá nhân/ <i>individual</i>				
1.2 Tổ chức/ <i>Institutional</i>				
- Trong đó Nhà nước/State Shareholders:				
2. Nước ngoài/ <i>Foreign</i>				
2.1 Cá nhân/ <i>Individual</i>				
2.2 Tổ chức/ <i>Institutional</i>				
TỔNG CỘNG/TOTAL:				

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT
LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE:

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/BKGD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization / individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
A. Cổ đông nhà nước/State shareholders							
Tổng Cộng A/ Total A							
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders							
Tổng Cộng B/ Total B							
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders							
Tổng Cộng C/ Total C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)							
Tổng Cộng D/ Total D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)							

Ghi chú/ Note:

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có).
In case of State Shareholders: Note the name of persons represent for the ownership of the State.

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

1/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập
Shareholding structure after the merger or additional issuance (for additional listing application)

STT No.	Họ tên Name	Chức vụ Position	Số lượng CP phát hành/ hoán đổi để sáp nhập Number of Share issuance /issued for the merger		Số lượng CP sau phát hành/ sáp nhập Number of shares after the additional issue/ merger			Tỷ lệ sở hữu (%) (*) Proportional ownership (%)
			Hạn chế chuyển nhượng Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do Free transfer	Hạn chế chuyển nhượng(*) Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do(*) Free transfer	Tổng cộng Total	
TỔNG CỘNG/TOTAL:								

Ghi chú/ Note: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu ()*

If Internal persons are those who represent for the institution investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person in column that has symbol ()*

2/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung cho đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu
For use of additional listing application (Shareholding structure after the conversion of bond)

ST T	Họ tên Name	Chức vụ Position	SL CP được chuyển đổi từ trái phiếu Number of shares converted from bonds		Tổng SL CP sở hữu sau khi chuyển đổi trái phiếu thành CP/ Total number of stocks after the conversion			Tỷ lệ sở hữu (%) (*) Proportional ownership (%)
			Hạn chế chuyển nhượng(*) Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do (*) Free transfer	Hạn chế chuyển nhượng(*) Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do (*) Free transfer	Tổng cộng Total	
TỔNG CỘNG/ TOTAL								

Ghi chú/Note: Nếu người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (*)

If Internal persons are those who represent for the institution investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person in column that has symbol ()*

3/ Trường hợp khác/ For use of other cases:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	Name	Position	Number of Transfer restriction shares	Number of Free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
TỔNG CỘNG/ TOTAL:						

Ghi chú/ Note: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (*) *If Internal persons are those who represent for the institutional investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person in column that has symbol (*)*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

DANH MỤC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán)

Stt		Thông tin, Danh sách thực hiện quyền
1	Mẫu 07/THQ	Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền ...
2	Mẫu 12/THQ	Thông báo xác nhận (danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền)

4906
TY
AN
H SQA
KHAI
D X U T
NH
HOC

(Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán)

Mẫu 07/THQ

TÊN TCPH
Số:
V/v

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền.....)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên Tổ chức phát hành:

Tên giao dịch:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Chúng tôi thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán: (ghi rõ Cổ phiếu/Trái phiếu doanh nghiệp/chứng chỉ quỹ Công ty...)

Mã chứng khoán:

Loại chứng khoán: - Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết/hoàn lại/cổ tức...
*

(ghi rõ các trường hợp ưu đãi nếu có phát hành)

Mệnh giá giao dịch:

Sàn giao dịch: (ghi rõ HOSE, HNX, UPCOM, Đại chúng chưa niêm yết...)

Ngày đăng ký cuối cùng: (ghi rõ ngày đăng ký cuối cùng phải là ngày làm việc)

1. Lý do và mục đích (ghi rõ những nội dung thực hiện)

- Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/tham dự đại hội đồng cổ đông;
- Thanh toán lãi, vốn gốc Công cụ nợ/trái phiếu doanh nghiệp/Chi trả cổ tức, lợi tức bằng tiền/Tạm ứng cổ tức, lợi tức bằng tiền;
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu, trả lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nhận cổ phiếu thường từ nguồn cổ phiếu quỹ;
- Mua chứng khoán;
- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi;
- Hoán đổi cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp ;

- Thanh toán tiền cho cổ đông khi doanh nghiệp giải thể hoặc thanh toán tiền cho người sở hữu chứng chỉ quỹ khi đóng quỹ;

- Thực hiện giảm vốn;

- Thực hiện mua lại cổ phiếu/trái phiếu doanh nghiệp của cổ đông hiện hữu

2. Nội dung cụ thể (ghi rõ những nội dung thực hiện)

a. Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/tham dự đại hội đồng cổ đông

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi biểu quyết: 1 cổ phiếu -quyền biểu quyết

- Thời gian thực hiện:.....

- Địa điểm thực hiện:.....

- Nội dung họp/lấy ý kiến:.....

b. Thanh toán lãi, vốn gốc /Công cụ nợ/Trái phiếu doanh nghiệp/Chi trả cổ tức, lợi tức bằng tiền/Tạm ứng cổ tức, lợi tức bằng tiền

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu:%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận đồng)

(Trường hợp có loại cổ phiếu ưu đãi cổ tức thì phải ghi rõ tỷ lệ chi trả của từng loại cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi cổ tức)

+ Đối với chứng chỉ quỹ/trái phiếu doanh nghiệp:%/chứng chỉ quỹ/trái phiếu (01 chứng chỉ quỹ/trái phiếu được nhận đồng)

- Ngày thanh toán: *(Ghi rõ ngày thanh toán cổ tức và ngày thanh toán cổ tức này phải là ngày làm việc)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức /lợi tức/lãi, gốc trái phiếu doanh nghiệp tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức /lợi tức/lãi, gốc trái phiếu doanh nghiệp tại *(vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...)* bắt đầu từ ngày*(ngày này phải trùng với ngày thanh toán nêu trên)* và xuất trình chứng minh nhân dân.

c. Trả cổ tức bằng cổ phiếu, trả lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ.

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: (Người sở hữucổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữucổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới)

+ Đối với chứng chỉ quỹ:(Người sở hữuchứng chỉ quỹ được nhận....chứng chỉ quỹ mới))

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu/chứng chỉ quỹ lẻ (nếu có):

- Ví dụ: *(ghi rõ một ví dụ cụ thể trong đó có cả xử lý phần lẻ)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ/lợi tức bằng chứng chỉ quỹ tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/cổ phiếu thưởng/lợi tức bằng chứng chỉ quỹ tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

d. Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành:

- Giá phát hành:

- Tỷ lệ thực hiện: (01 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, quyền được mua..... cổ phiếu mới).

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):

- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*

- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:

+ Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày.....đến ngày.....

+ Quyền mua được chuyển nhượng.... lần

- Quy định về chứng khoán đặt mua:

+ Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày.....đến ngày.....

+ Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng/hạn chế chuyển nhượng....

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại.....

- Thông tin về tài khoản phong toả đặt mua chứng khoán:

+ Tên chủ tài khoản:.....

+ Số TK:

+ Nơi mở TK:.....

d. Thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi

- Tỷ lệ chuyển đổi: (01 trái phiếu được chuyển đổi thànhcổ phiếu).

- Phương án làm tròn, phương án xử lý trái phiếu không chuyển đổi hết hoặc phần lẻ (nếu có):

- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*

- Thời gian đăng ký chuyển đổi: Từ ngày.....đến ngày.....

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại.....

e. Hoán đổi cổ phiếu/trái phiếu doanh nghiệp

- Tỷ lệ hoán đổi:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: (Người sở hữucổ phiếu... được nhận....cổ phiếu...)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữucổ phiếu... được nhận....cổ phiếu ...)

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):

- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*

- Đối với chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch:

+ Ngày hủy niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán:

+ Ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch chứng khoán:

+ Bắt đầu từ ngày(ngày hủy niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán),cổ phiếu(mã chứng khoán) không được thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán (trừ trường hợp chuyển quyền sở hữu do thanh toán các giao dịch tại ngày giao dịch cuối cùng tại Sở giao dịch chứng khoán) giao dịch mua bán và chuyển nhượng trên thị trường

+ Bắt đầu từ ngày (ngày đăng ký cuối cùng), VSD không nhận ký gửi chứng khoán

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

g. Thanh toán tiền cho cổ đông khi doanh nghiệp giải thể

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông:%/cổ phiếu (01cổ phiếu được nhận đồng)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:%/cổ phiếu (01cổ phiếu được nhận đồng)

- Ngày thanh toán: *(Ghi rõ ngày thanh toán tiền cho cổ đông và ngày thanh toán tiền cho cổ đông phải là ngày làm việc)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại (vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...) bắt đầu từ ngày(ngày này phải trùng với ngày thanh toán nêu trên) và xuất trình chứng minh nhân dân.

Công ty chúng tôi cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, các chi phí giải thể doanh nghiệp theo quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu khiếu kiện phát sinh do chưa thanh toán các khoản nợ và chi phí giải thể công ty theo quy định

h. Thanh toán tiền cho người sở hữu chứng chỉ quỹ khi đóng quỹ

- Tỷ lệ thực hiện: ...%/chứng chỉ quỹ (01 chứng chỉ quỹ được nhận đồng)

- Thời gian thực hiện: (Ghi rõ ngày thanh toán tiền cho cổ đông và ngày thanh toán tiền cho cổ đông phải là 01 ngày làm việc)

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại (vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...) từ ngày(ngày này phải trùng với thời gian thực hiện nêu trên) và xuất trình chứng minh nhân dân.

Công ty chúng tôi cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ và các chi phí đóng quỹ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu khiếu kiện phát sinh do chưa thanh toán các khoản nợ và chi phí khi đóng quỹ theo quy định

i. Thực hiện giảm vốn:

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: (Người sở hữucổ phiếu bị hủy....cổ phiếu)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữucổ phiếu bị hủy ...cổ phiếu)

+ Đối với chứng chỉ quỹ:(Người sở hữuchứng chỉ quỹ bị hủy....chứng chỉ quỹ)

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu/chứng chỉ quỹ lẻ (nếu có):

- Ví dụ: (ghi rõ một ví dụ cụ thể trong đó có cả xử lý phần lẻ)

- Hình thức hoàn trả:

- Điều kiện hoàn trả:

- Mức hoàn trả:

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục xác nhận giảm số lượng cổ phiếu sở hữu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục xác nhận giảm số lượng cổ phiếu sở hữu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

k. Mua lại cổ phiếu/Trái phiếu doanh nghiệp

- Số lượng chứng khoán tổ chức phát hành dự kiến mua:
- Tỷ lệ thực hiện: Số chứng khoán mua lại/số chứng khoán sở hữu của nhà đầu tư:
- Giá mua lại mỗi cổ phiếu/trái phiếu: đồng/cổ phiếu/trái phiếu
- Ngày thanh toán tiền mua lại:
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu TCPH

không mua hết(đối với cổ phiếu)

- Ví dụ

- Thời gian đăng ký bán lại cổ phiếu/trái phiếu cho TCPH: từ ngày..... đến ngày

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục bán lại cổ phiếu/trái phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục bán lại cổ phiếu/trái phiếu tạibắt đầu từ ngày.....và xuất trình chứng minh nhân dân.

Đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng):.....

- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: *(Ghi rõ địa chỉ email của TCPH trong trường hợp TCPH muốn VSD gửi file dữ liệu Danh sách người sở hữu chứng khoán)*

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CHỦ TỊCH HĐQT/NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCK...;
- Lưu...

*** Tài liệu đính kèm**

Ghi rõ tên các tài liệu phải gửi kèm Thông báo được quy định tại Điều 10 Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán (nếu có) và lưu ý phải đóng dấu giáp lai đầy đủ các tài liệu đính kèm

*.....

*.....

(Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán)

Mẫu 12/THQ

TÊN TCPH

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO XÁC NHẬN

(Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức/lợi tức bằng tiền/Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận lãi/gốc trái phiếu sốngày.....do VSD lập cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán:

Mã chứng khoán:

Loại chứng khoán:

Mệnh giá:

Ngày đăng ký cuối cùng:

Loại quyền:

Tỷ lệ thanh toán:

Ngày thanh toán:

Công ty xác nhận:

- Tổng số lượng chứng khoán được tổng hợp để tính toán quyền trong Danh sách đúng bằng tổng số lượng chứng khoán công ty đã đăng ký tại VSD.

- Tổng số tiền tính toán để chi trả phù hợp với tỷ lệ chi trả đã công bố.

Công ty cam kết:

- Chuyển cho VSD số tiền thanh toán cổ tức sau thuế của người sở hữu chứng khoán lưu ký đầy đủ và đúng thời hạn quy định theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSD ban hành. Trường hợp chuyển không đúng thời hạn sẽ chịu trách nhiệm về các vấn đề phát sinh liên quan gây thiệt hại cho người sở hữu chứng khoán (nếu có)

- Chịu trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với các trường hợp phải nộp thuế theo quy định

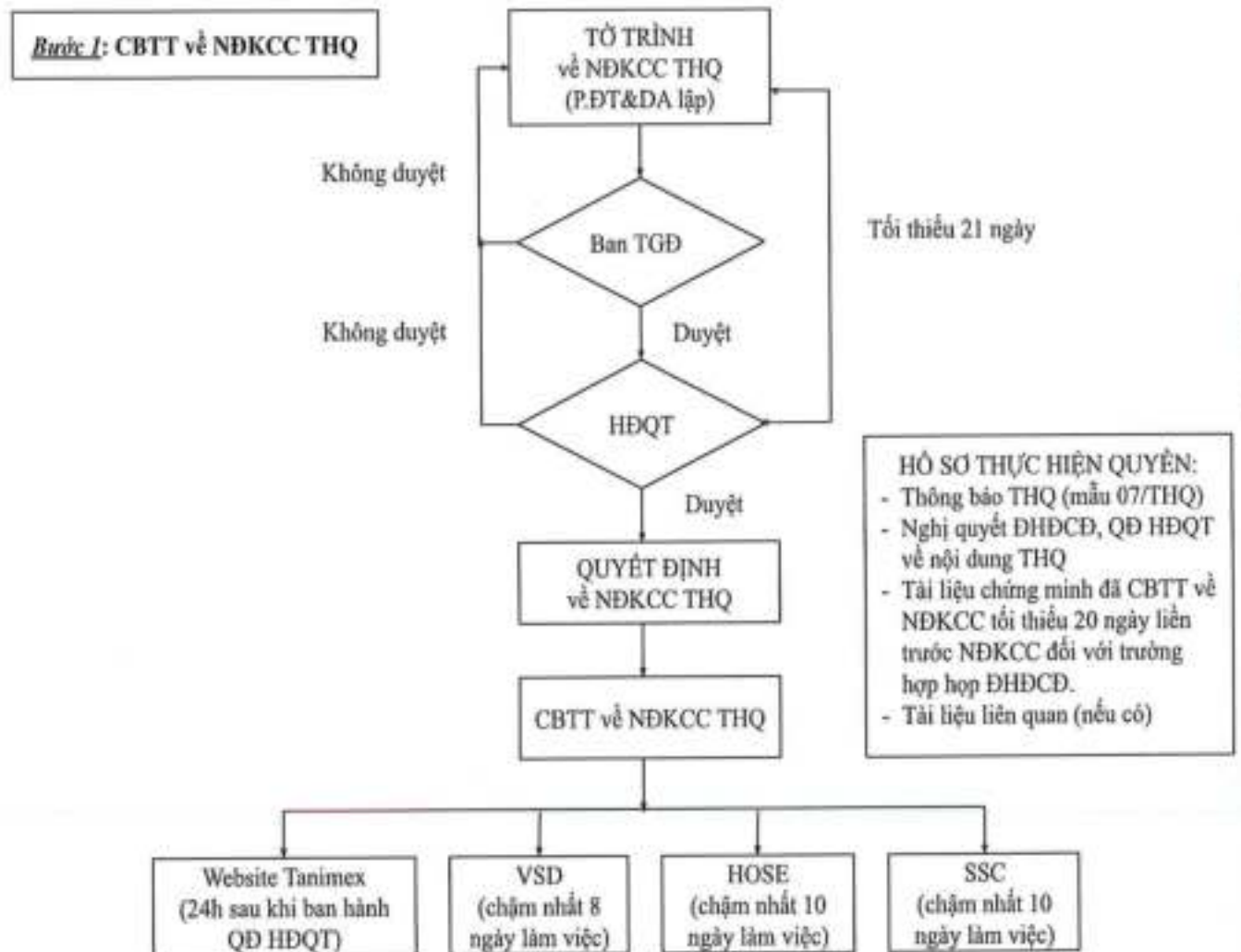
- Chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ cổ tức/lợi tức/lãi, gốc trái phiếu cho người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký.

- Thanh toán tiền giá dịch vụ thực hiện quyền cho VSD theo đúng quy định.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2. QUY TRÌNH THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU (TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/ TRẢ CỔ TỨC BẰNG TIỀN)



**Bước 2: Thực hiện quyền cho cổ
đồng và báo cáo**

NĐKCC THỰC HIỆN QUYỀN

DANH SÁCH CỔ ĐỒNG
(VSD gửi TANIMEX trong vòng
2 ngày làm việc)

P.ĐT&DA

HOSE

Trong vòng 15 ngày sau
NĐKCC, báo cáo:
- Tóm tắt số cổ đông
- DS cổ đông lớn,...

VSD

Trong vòng 8 ngày làm
việc sau NĐKCC và
trước ngày THQ ít nhất
2 ngày: Thông báo xác
nhận / không chấp thuận
DS cổ đông

P.TC-KT

- Hồ sơ thanh toán phí
THQ, trong vòng 8
ngày làm việc sau
NĐKCC.
- Hồ sơ thanh toán cổ
tức cho cổ đông, trong
vòng 15 ngày làm việc
sau NĐKCC và trước
ngày thanh toán cổ tức
ít nhất 10 ngày

P.QTNS-HC

- Trong vòng 5 ngày sau ngày lập DS:
P.ĐT&DA chuyển P.QTNS-HC thư
gửi cổ đông, kèm danh sách gửi thư.
- Sau khi nhận hồ sơ của P.ĐT&DA:
+ Trong vòng 2 ngày, P.QTNS-HC
gửi thư cho cổ đông, yêu cầu xác
nhận của bưu cục về DS gửi thư,
DS báo phát, DS hoàn phát và lưu
trữ chứng từ gửi thư.
+ Trong vòng 1 tháng, P.QTNS-HC
cung cấp chứng từ gửi thư cho P.
ĐT&DA theo dõi và báo cáo.

THANH TOÁN CỔ TỨC

P.TC-KT thực hiện thanh toán cổ tức cho cổ đông

- Cổ đông chưa lưu ký: công ty thực hiện thanh toán cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.
- Cổ đông đã lưu ký: chậm nhất 2 ngày làm việc trước ngày thanh toán cổ tức, công ty phải chuyển đủ số tiền thanh toán vào tài khoản theo thông báo của VSD, VSD phân bổ vào tài khoản của TVLK, TVLK sẽ chuyển vào tk chứng khoán của cổ đông đã lưu ký vào ngày thanh toán cổ tức.

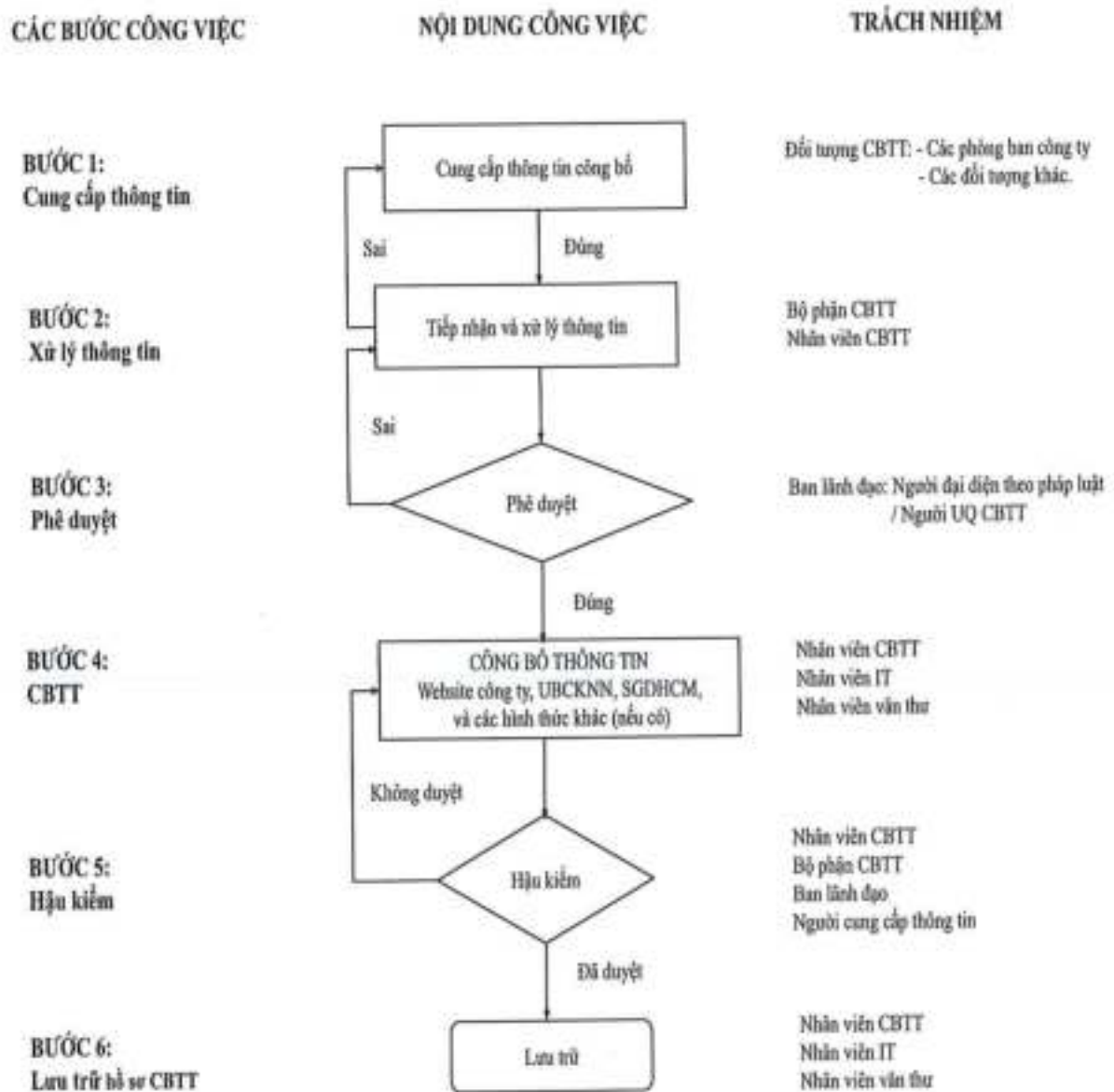
HỢP ĐHĐCD

- CBTT tài liệu hợp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc họp, tài liệu hợp bao gồm:
 - + P.ĐT&DA dự thảo: Thông báo mời họp, giấy ủy quyền, phiếu biểu quyết
 - + P.QTNS-HC dự thảo: Chương trình họp, tài liệu dùng trong cuộc họp, tài liệu bầu cử (nếu có - tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp)
- CBTT 24 giờ Nghị quyết ĐHĐCD và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết

PHỤ LỤC 3. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin của Công ty TANIMEX)

1. Lưu đồ thực hiện:



QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

3014
 CÔNG
 CỔ P
 QUAT K
 T NH
 VỤ V
 AN I
 77 TP

2. Diễn giải thực hiện:

• **Bước 1: Cung cấp thông tin**

Khi phát sinh các thông tin cần phải công bố, các đối tượng CBTT phải gửi thông tin công bố đến UBCKNN, SGDCK và Công ty Tanimex, phải đảm bảo tài liệu công bố đúng quy định về biểu mẫu và thời gian nộp báo cáo.

• **Bước 2: Xử lý thông tin**

Thông tin công bố được chuyển đến Bộ phận CBTT - Phòng ĐT&DA - Công ty Tanimex; nhân viên CBTT tiếp nhận thông tin và thực hiện xử lý thông tin theo trình tự:

- a. Kiểm tra thông tin; đối chiếu với các quy định về CBTT;
- b. Bổ sung, điều chỉnh nội dung thông tin công bố (nếu có);
- c. Khi nội dung thông tin công bố chính xác, đúng quy định, nhân viên CBTT soạn thảo văn bản CBTT theo mẫu BM-CBTT-ĐT&DA.

• **Bước 3: Phê duyệt**

- a. Lãnh đạo Bộ phận CBTT thông qua nội dung công bố, trình lãnh đạo Phòng ĐT&DA và trình Người thực hiện CBTT của công ty (Người đại diện theo pháp luật/ Người được ủy quyền CBTT) xem xét, phê duyệt nội dung CBTT;
- b. Bổ sung, điều chỉnh nội dung thông tin công bố (nếu có).
- c. Khi nội dung thông tin đã được phê duyệt, nhân viên CBTT thực hiện CBTT theo quy định.

• **Bước 4: Công bố thông tin**

Nhân viên CBTT thực hiện CBTT đồng thời trên các phương tiện, như sau:

- a. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản giấy:

Nhân viên CBTT chuyển tài liệu công bố cho nhân viên văn thư của công ty để gửi thông tin công bố bằng văn bản theo đường bưu điện (hỏa tốc /chuyển phát nhanh, có nhận báo phát) hoặc nộp trực tiếp. Lưu ý: phải có chứng từ xác nhận việc gửi thư.

- b. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản điện tử:

- Trang thông tin điện tử (website) của công ty: nhân viên CBTT chuyển dữ liệu cho nhân viên IT đăng tin lên website công ty;
 - Phương tiện điện tử của UBCKNN: nhân viên CBTT thực hiện CBTT trên IDS;
 - Phương tiện điện tử của SGDCK: nhân viên CBTT thực hiện CBTT trên ECM, trang thông tin điện tử của SGDCK và gửi email CBTT cho cán bộ thụ lý.
 - Phương tiện điện tử của TTLKCK (nếu có).
- c. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử, ...). Lưu ý: Các thông tin công bố phải được gửi cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK trước khi CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

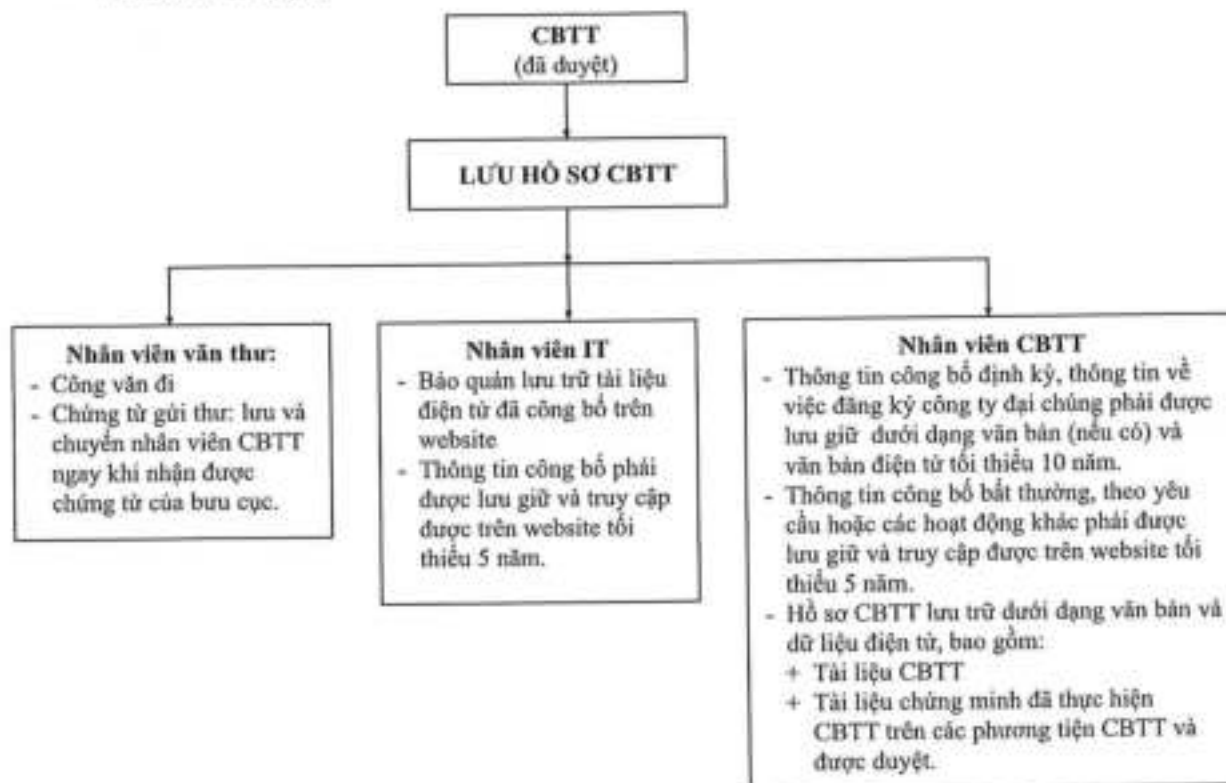
• **Bước 5: Hậu kiểm**

Các cá nhân, bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay các thông tin đã được công bố; nếu phát hiện thông tin đã công bố sai sót, không chính xác hoặc có nội dung cần thay đổi phải phối hợp với Bộ phận CBTT để thực hiện đính chính, điều chỉnh lại thông tin.

6492
TY
HVN
NH DDA
TP KHAI
A ĐU
INH
HỒ C

• **Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin**

- Lưu đồ thực hiện:



Lưu đồ: Lưu trữ hồ sơ CBTT

- Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại công ty theo quy định tại Điều 10 Quy chế này để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.
- Nhân viên IT: bảo quản lưu trữ tài liệu điện tử đã công bố trên website công ty.
- Nhân viên văn thư: lưu trữ công văn phát hành CBTT, chứng từ gửi thư CBTT bằng văn bản, chuyển bản sao cho nhân viên CBTT lưu hồ sơ CBTT.
- Nhân viên CBTT có trách nhiệm lưu trữ các tài liệu CBTT đầy đủ, đúng quy định; dữ liệu điện tử và dữ liệu giấy bao gồm:
 - + Tài liệu CBTT theo mẫu quy định riêng cho từng loại thông tin công bố.
 - + Tài liệu chứng minh thông tin công bố trên các phương tiện đã được duyệt.



